

T I Ể U T H U Y Ế T

Nguyễn Công Hoan

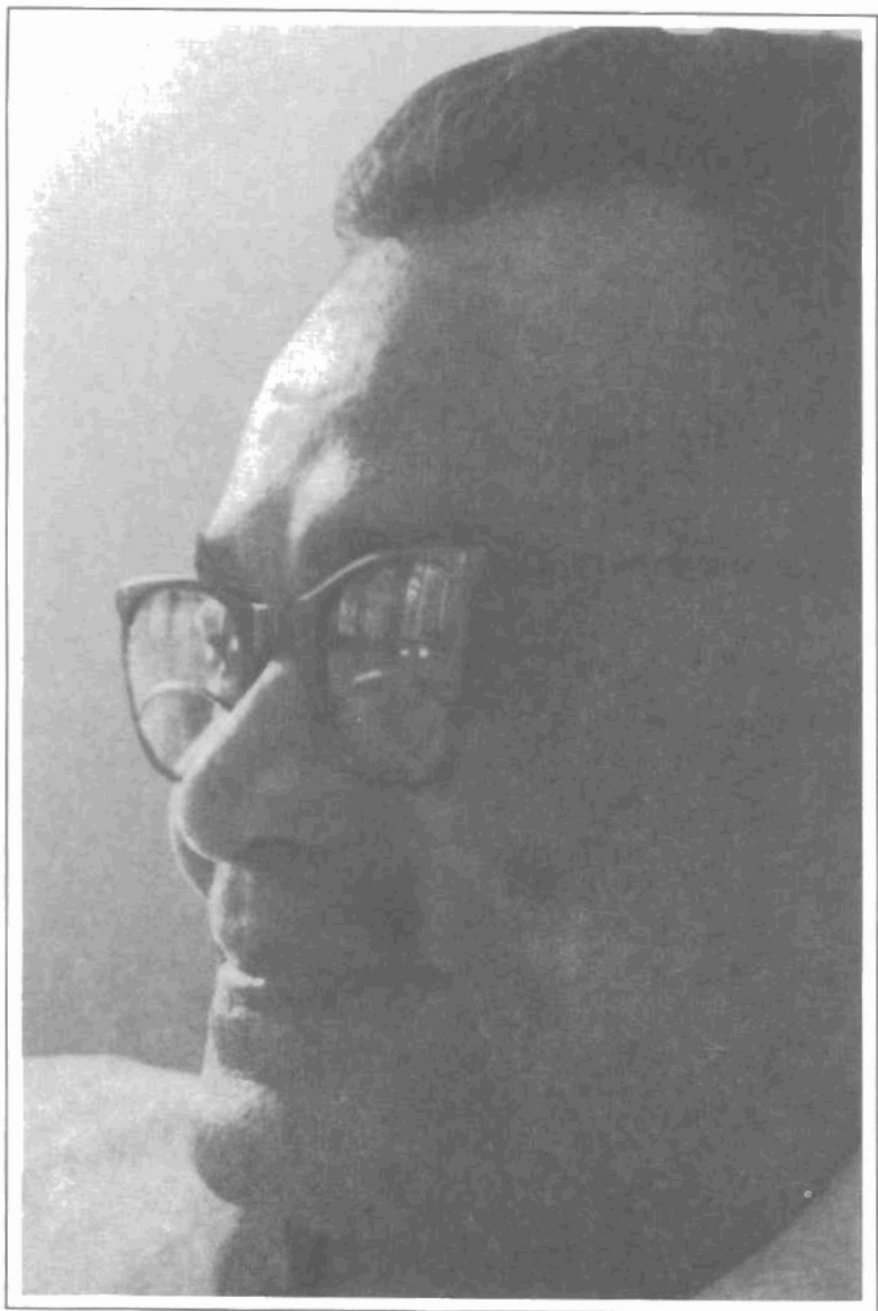
LÊ DUNG
TẤM LÒNG VÀNG
BƠ VỢ
Một kiếp người.



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Tiểu thuyết
NGUYỄN CÔNG HOAN

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI - 2004



(1903 - 1977)

Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đà văn Nguyễn Công Hoan sinh ngày 6 tháng 3 năm 1903 tại làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Ông mất ngày 6 tháng 6 năm 1977 tại Hà Nội.

Từ tuổi 17 (1920), khi đang còn học ở trường Bưởi, Ông đã bắt đầu viết truyện. Năm 20 tuổi (1923) Ông đã tập hợp những truyện ngắn chưa đăng báo, in thành tập với tên “Kiếp hồng nhan”, do Tản Đà thư cục xuất bản. Từ đó. Ông viết nhiều truyện ngắn đăng báo, được bạn đọc hâm mộ. Năm 1932, Ông đã xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tiên. “Những cảnh khốn nạn”. Năm 1935, khi tập truyện ngắn “Kép Tu Bên” ra mắt bạn đọc, thì tên tuổi Ông được khẳng định như một cây bút viết truyện ngắn đặc sắc.

Suốt cuộc đời sáng tác, Ông đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ (35 bộ tiểu thuyết, trên 300 truyện ngắn, nhiều bài nghiên cứu và phê bình văn học nghệ thuật, cùng với những tập hồi ức, tư sự, mang dấu ấn lịch sử, thời đại mà Ông đã trải qua). Trong 25 năm kể từ khi Ông mất (1977- 2002), các tác phẩm của Ông vẫn đều đặn đến với bạn đọc, có cả những tác phẩm được xuất bản lần đầu tiên.

Điều này thể hiện sự hâm mộ của bạn đọc dành cho tác giả.

Là nhà văn, Nguyễn Công Hoan còn là một thầy giáo và một chiến sĩ cách mạng hoạt động sôi nổi, có hiệu quả trên mặt trận văn học nghệ thuật.

Khi Hội Nhà văn Việt Nam thành lập (1957), Ông được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội.

Từ những công lao đóng góp của Ông, sau khi mất, Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Lao động hạng Nhất (1977) và Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996). Tại Thủ đô Hà Nội có một con đường mang tên Ông và ở thị xã Lao Cai, ngôi trường xưa Ông dạy học nay cũng mang tên Ông.

Nhân kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh cố nhà văn Nguyễn Công Hoan (6-3-1903 / 6-3-2003), Nhà xuất bản Thanh Niên với tấm lòng trân trọng, ngưỡng mộ Ông đang triển khai xuất bản toàn bộ tác phẩm của Ông trong 3 năm (2002 - 2004), nhằm giới thiệu với bạn đọc một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc của Việt Nam thế kỷ 20.

Để bạn đọc thấy được phong cách, bút pháp của tác giả cũng như văn phong đương thời, Nhà xuất bản xin được tôn trọng nguyên bản tác phẩm, mặc dù hiện nay ngôn từ, cách thể hiện đã có nhiều thay đổi.

Xin trân trọng cảm ơn và giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Bơ vơ

I

Những sự bí mật ở miếu âm hồn

Dầu cánh đồng làng Nội, có một bãi tha ma rộng. Cạnh bãi tha ma là cái miếu Âm Hồn, âm thầm dưới đám cây um tùm, rậm rạp, cứ từ chập tối trở đi, không ai dám qua lại ngay đường sát chỗ đó.

Người ta theo lối vòng quanh, tuy phải đi dài hơn, nhưng đỡ rợn. Bởi vì người ta bảo miếu ấy rất thiêng. Thường đêm đêm, nhất là những đêm không trăng, thì trong chốn hươu quanh đó hiện ra lắm vẻ rất hãi hùng. Dưới vòm lá dây trong cảnh tối đen, lạnh lẽo ấy, thỉnh thoảng có tiếng thở dài. Tiếng rên rít, tiếng khóc than của các âm hồn, làm cho những chiếc lá lìa cành, như cảm nỗi bơ vơ, sột soạt rơi xuống đất, lăn đi mấy vòng và im lặng. Rồi một con cú run rẩy rúc lên thật dài, đưa giọng nào nùng, là là bay theo gió, lọt vào khe cửa các nhà, thì đàn bà ôm chặt lấy con, đàn ông đằng hắng mấy tiếng.

Lúc ấy, người ta đoán các âm hồn hiện về, hiện thành những người đàn bà mặc quần áo trắng lôm lốp, đầu tóc rũ rượi, mặt mũi hốc hác, mắt xanh lè, lưỡi thè dài như quả núc nác, người thì đánh đu từ cành nọ sang cành kia,

người thì nhẹ nhàng đi chập chờn trên ngọn cỏ, ra bãi tha ma, đến các mả mới hô lên mấy tiếng gọi nhau, rồi biến vào trong quan tài, khoét mắt và móc óc người chết...

Đêm hôm ấy cũng không trăng. Mõ cầm canh trong xóm đã điếm năm lần, ẻo lả và thưa thớt. Tre ken rặng kéo kẹt cọ vào nhau như người nghiền răng.

Tiếng rật rã của chấu chuộc, tiếng tí tí của giun dế, tiếng đều đều của côn trùng không tên, nổi lên một thứ âm nhạc oán hờn, thảm đạm, không biết đến tự bao giờ, và không biết đến bao giờ mới ngớt. Chung quanh, trên dưới, thăm thẳm một màu đen.

Bỗng ở chỗ lối rẽ cạnh gốc cây gần miếu, lù lù một cái bóng người. Cái bóng ấy thong thả tiến đến góc tường thì ngồi xuống, đặt ở dưới đất một vật gì trắng phau phau. Rồi độ năm phút, có tiếng nặng nề của gót chân giẫm lên đất, thì cái bóng đen ấy đứng dậy, và vụt một cái, lẩn vào trong bóng tối, rồi biến mất...

Tiếng gót chân rờ rần, tiếng thở ì ạch to dần, tự nhiên lại có một cái bóng nữa, to hơn bóng trước, đi đến miếu. Cái bóng ấy tiến thẳng vào trong miếu. Một lát, trong chốn âm khí lạnh lẽo, lập lòe đầu ngọn hương chiếu rõ vào mặt một người đàn ông, lơ lơ đôi mắt rất kính cẩn. Hương tỏa một hơi ngát thiêng liêng. Người đàn ông để ngay ngắn lại cái gói trên bệ, rồi thụp xuống lễ bốn lễ và xuyết xoa khấn một hồi lâu.

Rồi đó, chiếc lá rụng chạm vào cành, chim cú rúc một hồi rợn tóc gáy và lạch bạch vỗ cánh bay từ cây nọ sang

cây kia. Trong xóm, một con chó sủa một hồi liên liên. Rồi hai ba con nữa cũng sủa theo, rồi tựa như cái tiếng có chân đi, từ từ chuyển từ chỗ gần đến chỗ xa vô tận. Người đàn ông ôm cái gói đặt xuống đất, cầm cán cuốc giơ thẳng lên trời, giáng xuống hai, ba lượt. Cái gói ấy không rần, nên không có tiếng kêu to. Đoạn, người ấy đứng ngay ngắn, chấp tay và lễ bốn lễ nữa, đoạn thông thả đi ra, giật lùi từng bước một.

Bông nhoe nhoe có tiếng như trẻ con khóc. Người ấy đứng phất lại, đứng yên. Vẫn những tiếng nhoe nhoe. Quả là trẻ con khóc. Người ấy quay lại nhìn cái bọc trong miếu, rồi lách qua khe hai bức giại, vùn vụt đến chỗ góc tường, và lại đứng sững. Một lát, người ấy khom khom, đi thật thông thả, rồi ngồi thụp xuống đất. Tiếng trẻ con vẫn khóc ra rả. Trong chớp mắt, ở chỗ ấy, một cái bóng như ẩn như hiện biến trong đám tối đen mịt mù.

Tiếng trẻ khóc cũng xa dần, lẫn vào làn không khí tĩnh mịch...

Cảnh vật lại huyền bí vắng vẻ như cũ.

Chó vẫn sủa rần...

Gà lạnh lạnh gáy...

Phía chân trời đằng đông, một vệt trắng lơ mờ...

Vụt một cái, một tia sáng lòe chói mắt ở đằng xóm đưa lại, rồi mất, rồi lại lòe, rồi lại mất.

Trên cây, mấy con chim xào xạc bay, đụng cánh vào cành. Lá lác đác rụng. Tia sáng lóe lại hiện ra, đưa đi đưa

lại, như muốn quét cho sạch bóng tối. Rồi tia sáng biến mất.

Một cái bóng đen đến, lại tiến đến phía bãi tha ma. Cái bóng người đi quanh co lập lòe chiếu xuống đất những tia chói lọi, rồi tiến thẳng tới trước cửa miếu thì đứng dừng lại.

Một tiếng hú! Hai tiếng hú! Rồi có tiếng nói khàn khàn:

- Tôi đây, đưa cho tôi mau lên!

Nhưng chẳng có một tiếng động trả lời. Bỗng tia sáng lại bật lên, cái bóng người đi chung quanh miếu, rồi đến các gốc cây.

- Tôi đây, đưa cho tôi mau lên!

Cũng vẫn chẳng có một tiếng động trả lời. Một lát, tia sáng chiếu thẳng vào trong miếu, độ vài giây đồng hồ, rồi cái bóng người theo vào chỗ thờ phụng.

Mùi hương vẫn còn thoang thoảng về thiêng liêng...

Cái bóng người ngồi thụp xuống đất trước bệ, cạnh cái gó. Năm đầu ngón tay nhẹ nhàng mở bọc, tia lửa lóe lên, một tiếng rú kinh hồn. Dưới ánh sáng, hiện ra cái xác đứa bé con mới đẻ độ vài hôm, ngực thì nát bét, mặt thì đen như mực.

Nhờ ánh sáng đó, nét mặt sợ hãi của người kia cũng rõ rệt.

Người ấy có vẻ thất vọng, thở dài lắc đầu, dăm dăm nhìn cái thây hài nhĩ. Rồi độ một phút, người ấy chiếu đèn

vào chân nó, đưa tay sờ từng ngón. Đoạn, nhỏ vào trán nó, lấy vạt áo kỳ thật mạnh cho sạch vết đen, rồi áp mặt vào để nhìn.

Xong đầu đấy, người ấy thông thả bọc kỹ lại tử thi, rồi đứng dậy, cúi đầu đi ra. Trong khoảnh khắc, cái bóng đen lẩn vào trong tối.

Miếu Âm Hồn lại âm thầm dưới đám cây um tùm, rậm rạp.

Gà thi nhau gáy dồn...

Chó sủa thưa...

Phía trời đông, vệt trắng rộng và rõ hơn, đã lộ được một vài đám mây đen như vết mực tàu loang ố trên tờ giấy màu tro xanh.

II

Một đoạn đời

Mỗi khi tan học, học trò sắp hàng đi đến ngã tư ở đầu trường thì tản mát mỗi người một nơi, ai về nhà nấy. Nhưng dù có dở câu chuyện với các bạn, thằng Sửu cũng phải đứng lại chờ thằng Đa là em nó đến sau, vì học lớp đồng ấu. Bao giờ nó cũng phải đi kèm em nó, dù em nó chỉ kém nó có một tuổi.

Trông thằng Sửu với thằng Đa, thì người không biết, không thể đoán được đứa nào là anh, đứa nào là em. Thực vậy, thằng Sửu thì gày gò, bé loét choắt. Trên đầu nó, tóc chỉ mọc lơ thơ. Nước da nó bao giờ cũng xanh bủng. Vì vậy, mặt nó lúc nào cũng có dáng buồn rười rượi. Trái lại, em nó thì đỏ đần, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn. Bề ngang to hơn thằng Sửu, mà bề cao xấp xỉ ngang nhau.

Khi thằng Đa gặp thằng Sửu, thì nó đưa cặp sách cho anh cắp, rồi hai tay chấp đằng sau, tung tăng đi, nếu không dùng mồm để ăn nốt mẩu quà mua từ giờ ra chơi, thì cũng cãi cọ với bạn, sừng sộ gạ đánh nhau, vì nó cậy có anh nó bênh vực. Nhưng nếu chẳng may hôm nào miệng nó vô dụng thì nó lại trêu anh nó. Nó giẫm guốc chân phải

thằng Sửu, hoặc chờ lúc thằng Sửu lơ đãng, nó hất tay mạnh cho hai cặp sách rơi xuống đường, để nó uốn ngực ra cười khảnh khách.

Thằng Sửu thường chịu cho em nó trêu ghẹo như thế luôn, không hề giận hay mắng bao giờ. Nhưng thằng Đa, thấy anh hiền lành không nói gì, thì càng trêu ghẹo dai.

Thấy thằng em hay bắt nạt thằng anh, các ngài hẳn lấy làm ngạc nhiên. Song thực ra, sự ấy chẳng có gì là lạ. Bởi vì cha mẹ chúng nó, ông bà cả Bách, yêu thằng Đa hơn thằng Sửu. Mà sở dĩ có sự ăn ở không công bằng ấy là do một lẽ công bằng giản dị:

Thằng Sửu là con nuôi, thằng Đa mới là con đẻ.

Nguyên mười hai năm về trước, ông bà cả Bách còn hiếm hoi, cho nên hai người rất tin sự lẽ bái, bói toán, không năm nào là đôi vợ chồng ấy không mất mấy chục đồng bạc thuốc bổ. Rồi sau, có người mách ở Ô Chợ Dừa có thầy bói rất hay, ông bà cả Bách liền tìm đến để nhờ thầy xem cho một quẻ. Thầy bói bảo số ông bà phải nuôi con nuôi thì sẽ sinh nở như thường, vì vậy, nhân ngày ấy trời làm đói kém, ông bà cả Bách mới mua thằng bé con, con nhà cu Sang, một người nghèo ở cùng tổng. Thằng bé con đó, ông bà đặt tên cho là thằng Sửu, vì mua nó vào năm Sửu.

Thằng Sửu độ ấy đã biết ngồi. Vì là con nhà khó, nên nó gày gò, móc meo, mắt lõm và bụng ồng. Nó lại thiếu ngón út ở chân phải.

Được ông bà Cả nuôi nấng trông nom tử tế, thằng Sửu

dần dần có da có thịt, nhưng vì ngay từ thuở lọt lòng, nó đã chịu đói khát, nên nó cứ sắt lại không lớn được.

Từ hôm trong nhà ông bà cả Bách có tiếng trẻ con khóc, thì đã đỡ hui quạnh. Cho nên ông bà lấy thằng Sửu làm vui, rất âu yếm và chăm chút nó.

Rồi quả nhiên năm sau, bà cả Bách có mang và sinh một đứa con trai. Ông cả Bách lắm chữ nghĩa, bèn đặt tên con là Đa, ý muốn chúc cho mình đa đĩnh. Mà rồi ông đa đĩnh thực, hiện nay ông đã ba trai, một gái, đứa nào cũng khôi ngô, nhưng chỉ phải cái học dốt.

Thằng Đa lúc bắt đầu học *a bé sé* đã làm ông phải bực mình lắm. Đánh thế nào thì đánh, không bao giờ nó thuộc mặt chữ *a* viết thế nào. Bảo viết chữ *a* thì nó đứng ì ra, rồi khóc.

Dễ ngon, dễ ngọt, nào những học xong *a, bé, sé*, thì được bố làm quan, nào những viết được chữ *a*, thì thày cưới cho con vợ đẹp, thằng Đa cố sức mãi mới khoanh một vòng bút, nhưng nó khoanh ngược, và cũng chẳng thành hình gì. Thằng Sửu tuy không được cha mẹ bắt học, nhưng những khi thằng Đa mở sách ra, miệng lẩm bảm *a, bé, sé* và mắt ngắm con yểng trở lông, thì nó đứng cạnh, nhìn nhận chữ viết, và nhắc em nó.

Vì thằng Sửu có ích cho sự học của thằng Đa nên ông bà cả Bách cũng bắt thằng Sửu học, cho thằng Đa học theo. Bởi có sự ganh đua, hơn bầy tháng sau, ông bà Cả mới có thể khoe với người ngoài được rằng thằng Đa đã đọc nổi quốc ngữ.

Thế rồi hai đứa cùng nhau ra trường học lớp đồng ấu. Thằng Sửu thì hiền lành, ngoan ngoãn và chịu khó, nên học đâu hiểu đấy, mà thằng Đa thì đã dốt, lại lười. Vì sợ dì ông bà cả Bách cho thằng Sửu đi trường, chẳng qua cốt để thằng Đa có bạn học cho đỡ chán nản, và có thằng Sửu đưa nó đi đường để khỏi lo lắng nổi xe pháo ở phố, cho nên đến cuối năm, ông bà thấy chỉ một mình thằng Sửu được lên lớp, thì nhất định bắt nó học một năm nữa ở lớp cũ với thằng Đa. Song, vì thầy giáo không cho như thế, nên bắt đắc dĩ thằng Sửu phải lên lớp dự bị, mà rất lo ngại phải đòn.

Thật vậy, thằng Sửu rất hay phải đòn. Nó phải đòn vì lỗi nó. Nó lại phải đòn cả vì lỗi các em nó. Ông bà cả Bách đánh nó cho nó sửa lỗi, lại đánh nó cho các em nó trông thấy để biết sợ mà sửa lỗi.

Sống để chịu mắng, chịu chửi, chịu đánh, thằng Sửu như đàn vôi với số phận, không dám oán cha mẹ, không dám khóc thảm. Nó biết nó là con nuôi, thì không thể được cha mẹ nuôi nưng niu như con đẻ.

Tuy mới mười ba tuổi đầu, nhưng vì được trải những cảnh khổ nhục sớm quá, nó có bộ óc già hơn tuổi. Nó biết suy nghĩ. Nó đã được chỗ nương tựa để học hành, thì nó đành chịu đau đớn bây giờ để khỏi vất vả về sau.

Trong sách, có nhiều bài văn cho nó cái gương tốt ấy. Vả cha mẹ để nó nghèo, đã phải bán nó đi để làm con mày con nuôi ông bà Cả, thì nó được ông bà Cả không coi nó ngang bọn đầy tớ, đã là may mắn, sung sướng lắm rồi, nó còn dám mong gì hơn nữa. Nếu nó bướng bỉnh, hỗn láo, thì

tất ông bà Cả chả để cho cha mẹ nó được yên thân. Ấy là một vài người lớn khuyển bảo nó thế thì nó phải nghe thế.

Thường nó cũng muốn biết mặt cha mẹ để nó, nhưng nó không được về làng bao giờ. Mười ba năm trời nay, nó chỉ ở Hà Nội, chưa được ra ngoài thành phố. Ông bà cả Bách, năm thì mười họa có nói đến tên nhà cu Sang, là tên cha mẹ nó, nhưng động nói là thấy có ý khinh bỉ, nên nó không muốn nghe. Nó đau đớn, nghĩ ngợi một lát rồi mang sách ra học, hoặc đùa với các em cho khuây đi. Nó chả bao giờ bỏ được cha mẹ để nó, vì cha mẹ nó cũng cùng hàng tổng với cha mẹ nuôi nó. Sau này lớn, đi làm kiếm được tiền, lúc ấy mới có thể muốn gì thì gì. Chứ bây giờ, nó làm gì được!

Ngày còn bé, khi ông bà cả Bách chưa đẻ thằng Đa, thì thằng Sửu được chiều chuộng, âu yếm những thế nào, nó có biết đâu.

Nó chỉ nhớ được từ khi nó sáu, bảy tuổi.

Ông cả Bách đối với nó còn khá, chứ bà cả Bách thì thật coi nó như kẻ thù, ghét bỏ nó tộ quá. Không lúc nào bà nhìn nó mà không khoằm khoằm cái mặt. Bà thấy nó học hành chăm chỉ, và thằng Đa lười biếng, thì bà càng hay nhiếc móc nó. Không mấy khi bà để nó học yên. Lúc thì bà sai lấy thức nọ, lúc thì bà sai lấy thức kia, bà cố ngăn trở cho nó chỉ giỏi bằng thằng Đa là cùng. Lắm lúc thằng Đa đang lai nhai học mà kêu nức, hoặc ngứa, thì lập tức, thằng Sửu phải quạt hay gãi hộ em nó liền. Nếu chậm, ắt là lưng bị ngay mấy giáo quạt. Thằng Đa mà nhức đầu hay đau bụng, phải xin phép nghỉ học, thì thằng

Sửu cũng phải xin phép nghỉ theo, cho thằng Đa ở nhà đỡ buồn.

Bởi vậy, thằng Sửu vẫn sợ các em nó, các em nó bắt nạt nó quá lắm mà nó cũng phải mần ngơ, chỉ cười rồi chạy trốn.

Một hôm, có khách đến chơi nhà, các em nó đùa râm râm át cả câu chuyện người lớn, cha mẹ máng mãi không được.

Bỗng thằng Sửu thấy bà Cả hằm hằm cái roi đi đến. Nó mát ruột cho lũ trẻ hồn láo. Nhưng khốn nạn, cái roi ấy lại vụt ngay vào lưng nó đen đét. Nó chẳng hiểu vì lẽ gì.

Sau mãi nó mới biết rằng nó có tội là không rủ các em đi chơi chỗ khác.

Con nuôi! Nó đành phận nó.

Nhưng nó cực một điều, là họ hàng cha mẹ nuôi nó, người nào cũng ghét nó lắm. Đố có ai gọi đến tên nó bao giờ. Hễ ai muốn nói nó, là dùng ngay mấy tiếng “con nhà cu Sang”.

Người ta khinh bỉ, ghê tởm nó hay sao? Nó là người. Nó là thằng bé vô tội. Cha mẹ nó chỉ có tội nghèo.

Có một lần, trong khi trần trọc không ngủ được, nó để ý nghe câu chuyện cha mẹ nuôi nó nói với chú Hai nó.

Nó lắng tai, mở mắt ra nhìn, thì thấy chú Hai nó nhăn mặt, nói:

- Bác nuôi nó làm gì! Rồi bác xem, nuôi những thứ ấy trong nhà thì làm ăn không thịnh vượng đâu.

Cha nó đáp:

- Chú chỉ hay tin nhảm, viện hết lý nọ đến lý kia.

Thằng Sửu nghĩ ngay đến con Vện cha nó mới mua sáng hôm qua, hiện nhốt ở trong cũi. Nó không ngờ một con chó lại dính dáng đến sự làm ăn, buôn bán của người ta.

Chú Hai lắc đầu:

- Không phải tôi tin nhảm. Bác không rõ, chứ tôi thấy họ hàng nói nhiều lắm. Nó bần và hỗn, rồi nó lại làm hại các cháu lắm đấy.

- Không, nó cũng có ích.

- Ích gì, cả họ không ai bằng lòng, ai trông thấy cũng phải tởm, phải ghê. Bác muốn cho các cháu tiêm nhiễm những thứ máu hèn hạ ấy hay sao?

Thằng Sửu nghĩ ngợi. Hay là chú Hai nói nó? Nó sừng sốt cả người. Nó thở dài khẽ. Trống ngực nó thình thình. “Ghê tởm, máu hèn hạ”. Không có lẽ thế là người ta nói về con vật. Chuyện nó hay chuyện con chó? Nó rưng rưng muốn khóc. Chú Hai lại bảo:

- Tôi nói nhiều lần mà bác không tin. Nó lừa dối bác nên bác mắc, mới đậm mà mua đấy.

Thằng Sửu dẹp ngực xuống. Nó sung sướng. Đích là cha và chú nó nói chuyện con Vện thật, chứ không phải chuyện nó. Nó là người kia mà!

Cha nó đáp:

- Họ ghét nó thì họ bịa đặt ra thế đấy chứ!

- Ô, bác thử nghĩ kỹ xem, xem nó có giống mặt bố nó không?

Thằng Sửu lại thấy rộn rục cả người. Con chó thì làm gì có bố?

Hay đích chuyện nó chẳng?

Chú Hai nói tiếp:

- Trước kia mười miệng cùng bảo thế, cũng đã không thể sai được rồi. Và tôi mới hỏi được, chính nó thú thực ra như vậy.

Cha nó giật mình:

- Chính nó thú? Chú vừa hỏi?

- Phải, tôi mới về nhà quê hôm qua.

Thằng Sửu run lên. Đích chuyện nó rồi. “Nó” là ai? Hay là cha đẻ nó? Cha đẻ nó thú cái gì? Nó lẳng tai, chú Hai nói:

- Nó nhận rằng thằng Sửu là con đũa nào để hoang mà nó thấy ở miếu Âm Hồn đấy. Thằng Sửu như bị tiếng sét. Nó đánh liều, hu hu lên khóc.

III

Liều

Thằng Sừ theo bà cả Bách ra ga để về nhà quê. Nó biết rằng về lần này, nó không được ra Hà Nội nữa, nó sẽ bị bà Cả đem trao trả cho người đã bắt được nó ở miếu Âm Hồn. Người này rồi có yêu mến nó hay không, nó chưa thể biết được. Song dù chưa thể biết chắc, nó cũng đoán đúng được ít nhiều. Người ấy đã không để ra nó, lại nuôi nó có mấy tháng trời, thì sao có cảm tình với nó được! Thành ra nghĩ vẩn vơ, nó chán ngán cho đời nó, rồi đây, không biết nương tựa vào đâu. Từ nay về sau, tất nó phải sống một cách khổ sở. Song, sao trời không cho nó được tập sự khổ sở ngay từ thuở bé, lại đây ải vào nhà ông bà cả Bách, một nhà giàu có, để nó quen cái thói lười lỉnh, ngay xương. Thành ra nó sống đời trước để làm hại đời sau này của nó.

Nó lại oán người đời lạ lòng. Làm sao người ta không thừa nhận đứa con để hoang là người như nó? Nó không có tội gì cả. Trái lại, nó muốn thân yêu với nhiều người. Nó đã mến các bạn học, và bạn học cũng mến nó. Nó đã bố thí cho kẻ ăn mày, cái lần nó để dành được mấy xu của thằng Đa cho nó. Nó đã tha thứ cho các em nó là con ông bà cả Bách, những khi mấy đứa này cậy thế, làm nhục nó. Nó đã

chịu bao điều bất công của ông bà cả Bách xử với nó. Nói tóm lại, nó là người không gian ác, là người biết tự rèn để sau này có cái tương lai không đến nỗi đê hèn.

Ấy thế mà chỉ tại nó là đứa con đẻ hoang, nên nay nó bị họ hàng ông bà cả Bách hắt hủi, coi nó như một con vật như nhuốc, xấu xa. Lúc nào nó cũng sợ sệt, bẽn lẽn, len lét. Sự ngoan ngoãn của nó không thể cho nó chắc chắn rằng được yên thân, không phải mắng, phải đòn. Nó là con đẻ hoang. Tại sao người đẻ ra nó không nhận mẹ nó là vợ, đẻ đến nỗi nó thành ra đứa con đẻ hoang? Cha nó là ai? Mẹ nó là ai? Ở đâu?

Thằng Sửu đưa trí nghĩ đến một chỗ mù mịt. Nó thở dài.

Rồi nó về đến làng.

Bà cả Bách đưa nó đi quanh co theo đường các xóm, đến trước cái diêm canh, bà đứng dừng lại, dịu dàng nhìn nó và nói:

- Thầy me chỉ nuôi con đến ngày hôm nay mà thôi, từ nay con về nhà con nhé.

Thằng Sửu thản nhiên, nó không lấy làm lạ, không buồn, vì nó biết trước cả số phận nó. Thấy vậy, bà thương hại, hỏi:

- Con được về nhà con, con có mừng không?

Thằng Sửu làm bộ ngớ ngẩn, ngoan ngoãn đáp:

- Con không biết.

- Con có nhớ thầy me và các em không?

Tự nhiên thằng Sửu xúc động, nó ứa nước mắt ra. Bà

cả Bách thở dài, rồi đưa nó đi, rẽ vào lối hẹp đến cái cổng trống thì nói:

- Đến nơi rồi, đến nhà con rồi. Me coi như bộ mày vui về hơn hở lắm nhỉ.

Thằng Sửu nao nao cả lòng. Nó buồn thực. Nó gượng nói:

- Con chả biết mặt cha mẹ đẻ con thế nào cả.

Ngọt ngào, bà Cả đáp:

- Rồi con biết. Thôi, tã đi vào.

Dứt lời, bà Cả lên tiếng gọi, thì trong nhà có tiếng thưa,

Thằng Sửu hồi hộp, trống ngực nó thình thình. Nó ngấm cái nhà không đến nỗi tồi tàn. Tuy mái lợp tranh, nhưng cạnh sân gạch cũng có tường hoa, bể nước. Bỗng một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi, tươi tỉnh ở trong nhà ra, vừa đi vừa mặc cái áo dài. Thằng Sửu trông trực nhìn và chào. Bà cả Bách vui vẻ trở vào nó, nói đùa:

- Bác Sang có lẽ không biết thằng bé này là ai đấy nhỉ!

Thấy bác Sang ngờ ngác để mắt vào thằng Sửu, bà Cả cười:

- Để hai người gặp nhau ở đường, thì đánh nhau xong mới nhận nhau chắc. Thằng Sửu đấy mà.

Bác Sang liếc trông qua thằng Sửu và nhìn chân phải của nó, rồi thản nhiên như không, đáp:

- Vâng.

Thằng Sửu chán ngán quá. Nó theo bác Sang và bà Cả vào trong nhà. Nó thấy mặt bác Sang mất hẳn những nét

vui vẻ lúc ban đầu, nó đau đớn lắm. Bởi vậy, nó không để ý vào câu chuyện nhỏ to của hai người nói với nhau ở gian bên kia, nó lơ đãng nhìn ra ngoài sân, ngắm lũ gà con theo mẹ.

Một lát, bà cả Bách đứng dậy, đến gần thằng Sửu, xoa đầu nó và dặn:

- Thôi nhé, con ở nhà cho ngoan nhé.

Rồi thấy nó tiu nghỉu, thì bà nhăn nhó, nói:

- Khốn nạn, mười hai mười ba năm chứ có phải dăm ba tháng gì cho cam, đừng nhớ thầy me và các em nhé.

Thằng Sửu rơm rớm nước mắt. Nó chỉ thương nó, chứ không cảm gì về cái giả dối của bà cả Bách. Nó đứng rén sang một bên, chào bà Cả, rồi trông theo.

Từ lúc bấy giờ, bác Sang mới hỏi chuyện nó. Nó không thấy đậm đà một tí nào. Rồi bác Sang buồn bã, thở dài, kể lể:

- Tao ở nhà có mỗi một mình. Mẹ mày chết đã lâu. Em mày, tao cho trọ học ở trên huyện.

Thằng Sửu giật mình. Nó chưa hiểu tiếng “mẹ” đây là ai.

Mẹ nó là vợ bác Sang, hay người đẻ ra nó?

Nó làm bộ buồn bã. Bác Sang lắc đầu, nói:

- Mày về đây không có ích gì cho tao cả.

Thằng Sửu đáp:

- Thầy cho con đi xa lâu ngày, con chỉ mong về ở với thầy.

Bác Sang cười, dấm dẩn:

- Ở thế nào được! Đến ông bà ấy còn chẳng nuôi được mày nữa là tao.

Thằng Sửu yên lặng nhìn bác Sang, có ý hỏi. Bác Sang nghĩ ngợi một lát, rồi cau mặt gọi:

- Sửu, thế hôm qua ông bà ấy có bảo gì mày không?

- Thưa thầy không. Mãi tận ban nầy, bà Cả mới bảo cho con biết rằng bà ấy cho con về.

Bác Sang bực mình, nhại:

- Về! Nhà mày đâu đây mà bảo là về!

Thằng Sửu khó chịu quá. Nó không hiểu rồi đòi nó xoay ra thế nào. Nó chỉ muốn nghe hết những điều bác Sang chưa cho nó biết, nên nó hỏi:

- Thưa sao lại không phải nhà con đây?

Bác Sang cười nhạt:

- Tao nói cho mày biết thì tao cũng thương hại mày lắm. Thực ra, tao không phải người đẻ ra mày. Tao chỉ là người bắt được mày thôi.

Thằng Sửu bỗng choáng cả người.

Bác Sang tiếp:

- Nguyên ngày trước tao đẻ ba, bốn lần không nuôi được, cho nên đến đót cuối cùng, tao giận lắm, tao không chôn cái xác đứa nó lộn đi lộn lại mãi vào nhà tao. Tao đổ mực vào mặt nó để đánh dấu, rồi đem nó ra miếu Âm Hồn ở cánh đồng đầu làng, khấn khứa thần linh, rồi tao đập cho nát ngực nó ra và vớt ở đấy. Lúc trở về, tao thấy có tiếng trẻ con khóc, tao bèn tìm được mày. Vì tao đẻ mãi

mà không nuôi được, nên tao sợ thiên hạ chê cười, tao mới đem mày về, định giấu không cho mọi người biết là tao mới bỏ đứa bé và nhận mày chính là đứa bé ấy. Nhưng rồi năm sau, nhờ trời tao đẻ được đứa con trai, tức là thằng bé tao cho trọ học ở trên huyện đó. Bởi vậy, mày ở nhà tao nữa là thừa. Vả chăng, rồi làng nước, họ hàng, không ai bằng lòng cho tao nuôi nấng mày, tao mới phải đem bán mày đi.

Thằng Sửu rùng cả mình, rưng rưng nước mắt, hỏi:

- Thế con là con ai? Thầy cho con biết.

Bác Sang vẫn lạnh lùng:

- Nào tao biết được! Mày là con đẻ hoang, nên làng nước mới khinh bỉ, mỉa mai tao, nói nhiều điều khó chịu đến tai tao, đến nỗi tao không thể để mày ở nhà được.

Thằng Sửu chùi nước mắt, nói:

- Sao ban nãy thầy không bảo bà Cả đem con về nhà bà ấy?

- Bà ấy không bằng lòng nuôi mày nữa, họ hàng bà ấy cũng kêu ca nhiều lắm. Nhưng mà được. Tao đã chót cứu sống mày, thì tao phải tìm cho mày một chỗ ở tử tế. Mày không thể ở làng này. Tao sẽ đem mày đi Hưng Yên, cho ông Lý Bá làm con nuôi, ông ấy cũng hiểm.

Thằng Sửu lạnh run lên. Thì ra nó chót sống cho người ta khinh bỉ, hắt hủi, ghê tởm. Nếu vậy, nó không thể nhờ vả được vào một người nào ở trên đời nữa. Nó phải tự kiếm kế để nuôi thân. Nhưng kế gì? Nó còn bé quá, dù có nghĩ ra kế, nó cũng không đủ sức làm. Ngay như cái cách sinh

nhai giản dị nhất là đi ở không công để kiếm đủ cơm nuôi miệng, chưa chắc nó đã chịu nổi việc. Nó yếu và không quen cất nhắc chân tay, thì ai dùng! Và người ta tìm những đứa có căn bản, chứ ai dại gì mà nuôi đứa bơ vơ.

Nhưng ở với bác Sang thì cố nhiên là nó không thể rồi, và đời nào bác chứa nó! Mà đến làm con nuôi ông Lý gì ở Hưng Yên, nó cũng chịu. Vì biết đâu, một ngày kia, khi ông ấy biết nó là đứa con đẻ hoang, thì nó lại phải trở lại nhà bác Sang, và chịu cả những nỗi nhục nhã như ngày hôm nay.

Vậy dẫu nào nó cũng phải lập thân. Nó thế này, thì nó phải lập thân sớm, nó không oán hờn số phận nữa. Và oán hờn thế nào được. Nó là con người nào, mà người ấy bỏ nó ngay từ khi nó mới lọt lòng, thì nó mong gì sự tử tế của những người không rút ruột đẻ nó ra.

Thằng Sửu ở nhà bác Sang đã hai hôm. Nó khó chịu nhất, là thỉnh thoảng cứ có người đến xem mặt nó. Nó cũng nhớ cảnh gia đình ông bà cả Bách. Buổi tối, nó càng thấy buồn. Bác Sang cả ngày chẳng nói với nó một điều. Nó làm gì bác cũng mặc. Hình như bác không muốn thừa hơi dạy bảo một đứa con người dưng vậy. Đương ở một chỗ cả ngày phải sợ hãi len lét, nó đến ở một chỗ người ta kẻ thù nó, thằng Sửu thấy đau đớn gấp đôi. Nhiều lúc nó thêm roi vọt, mắng mỏ.

Thường thường, nó ngồi ở đầu hè, ôn lại trong óc những buổi đi học, cùng anh em bạn nó đùa. Nghe tiếng thân cây tre cọ vào nhau kèn kẹt, nó buồn thảm buồn thê, buồn có thể phát khóc được. Cảnh nhà quê đã lạng lẽ, mà

cánh lòng nó còn lặng lẽ bằng hai.

Thằng Sửu khóc thâm, nó không thể sống được thế này mãi. Thôi, đành nó phải liêu. Thà tự nó làm khổ nó, còn hơn đem thân cho người khác làm nhục.

Tối hôm ấy, nó đi nằm sớm để nghỉ ngơi. Mỗi lúc nó lại thở dài. Bỗng bác Sang gọi nó dậy, và bảo:

- Sửu, mai mày đi với tao sang Hưng Yên, tao đã nhắn với ông Lý, ông ấy bằng lòng rồi.

Thằng Sửu ngồi dậy, đáp:

- Con xin thầy đừng cho con sang bên ấy nữa, vì con nghĩ rằng con không dám làm phiền thầy.

Bác Sang lác đầu:

- Mày phải đi, mày không ở được nhà này.

- Không, con không ở nhà này mà.

Nhìn nó một cái, bác Sang hỏi:

- Mày đi đâu?

- Thầy cho con về Hà Nội.

Bác Sang gất:

- Không được. Rồi ông Cả lại đưa mày về đây với tao thì cũng thế.

Thằng Sửu quả quyết đáp:

- Không. Con không ở với ông bà Cả nữa đâu.

- Mày ở với ai?

- Con ở với ai cũng được. Con không làm phiền đến thầy

Một lát, bác Sang lãnh đạm, nói:

- Nhưng tao trót khai sinh cho mày là con tao, lỡ ra mày làm bậy gì thì cứ tao người ta đổ vạ.

Thằng Sửu lác đầu:

- Tên Sửu là ông cả Bách đặt cho con. Con có biết thầy đặt tên con là gì đâu!

- Nhưng mày ở nhà ai ngoài Hà Nội mới được chứ?

- Con có nhiều người quen, miễn không phải là họ hàng hay bạn bè ông bà cả Bách là được. Con kiếm việc làm. Con chỉ xin thầy xuất vé xe lửa, cũng như thầy phí tổn đưa con sang Hưng Yên thôi mà. Con làm thế nào kiếm được đủ ăn thì thôi.

Sau một lát đắn đo, bác Sang bằng lòng. Thằng Sửu hỏi dạ. Nó thấy nhẹ nhàng trong mình một phút. Nó muốn thoát ly những sự hắt hủi, khinh bỉ, ghê tởm của người đời đối với nó, nên nó phải liều mà tính chuyện cất bước ra đi. Nhưng thực ra, rồi khi đến Hà Nội, nó chưa kiếm cách nào để nuôi miệng cả.

IV

Nghề kiếm ăn

Sửu lang thang đi hết phố nọ sang phố kia. Nó không dám vào nhà ai cả.

Nó qua trường học cũ, nghe văng vẳng tiếng thầy giáo giảng bài và anh em cười trong lớp, nó quỵến luyện, đứng thẩn người ra đến hàng giờ. Rồi thở dài, nó lại đi lang thang.

Trời vừa nắng, vừa nóng. Cả một vùng xanh ngắt, không có tí gợn mây. Đã về chiều rồi, mà sức nóng nực còn như buổi quá trưa. Sửu mệt, lại thêm nhức đầu. Cái mũ trắng và cái áo the, nó đã phải gán rở cho hàng cơm cả. Nó lo lắng. Tối nay, cũng đành như tối qua, nó phải nằm nhờ ở hè nhà hàng phố. Nhưng mai, nó ăn bằng gì? Cả cơ nghiệp nó chỉ còn có cái áo cánh với cái quần đầm những bụi với mồ hôi.

Ai biết nó là đứa trẻ khốn nạn để mong người ta cứu vớt nó qua thì một, hai bữa? Nó càng lo.

Song dù được một, hai bữa qua thì phỏng để làm gì? Để nó phải sống, phải sống để kiếm ăn mà kéo dài cái đời khốn nạn không biết đến bao giờ mới hết. Vậy thì một vài bữa có ích gì cho nó? Nó cần phải sống trọn đời nó kia mà!

Rồi chân nó đưa nó đến chợ Hôm. Tự nhiên nó nghĩ

đến kế sinh nhai của những đứa trẻ bằng tuổi nó, hàng ngày nó được thấy.

Chúng nó giữ xe hộ người ta. Chúng nó cấp rổ hộ người ta.

Nghề ấy rất nhàn hạ và hợp với nó.

Sáng sớm hôm sau, ánh mặt trời le lói chiếu vào mắt Sửu, làm nó sực tỉnh dậy. Nhanh nhẹn, nó ra máy nước rửa mặt và súc miệng, rồi vợ vẫn đứng trước cửa chợ để chờ làm đầy tổ chốc lát cho công chúng. Nhưng khốn nạn thay, nó không nhanh chân cướp khách, nên những đứa khác đã tranh được cả môi lợi.

Sau mấy lần hầu hụi, Sửu tỉnh ngộ, bèn đứng tận chỗ xa để đón người đến chợ. Song động chạy đến gần ai để xin việc, Sửu cũng bị xua tay. Người ta vẫy một thằng khác đã quen mặt.

S Sửu chán chường. Nó thấy một vài đứa nói bâng quơ mấy câu xỏ xiên, khích bác. Nó tức quá. Nhưng làm gì cái vật. Nó phải bỏ ngoài tai những cái nhỏ nhen để cố mà cạnh tranh lấy miếng ăn, vì trước khi có thể sống tinh thần, nó cần phải no bụng đã. Sau cùng, nó được một bà đưa rổ cho nó cấp hộ.

Nó theo bà ta loanh quanh hết hàng nọ đến hàng kia hàng giờ, hai cánh tay nó sã xuống vì phải mang nặng quá. Rồi khi lên xe, bà ấy đặt vào tay nó hai xu.

S Sửu vui sướng, ngấm nghĩa mãi hai đồng xu quý hóa. Đoạn bỏ vào túi, nó đi đến chỗ khi nãy. Thành linh, một cái bạt tai rất mạnh làm nó choáng cả người.

- Oe con, muốn chuồn hẳn?

Định thần để nhìn, Sửu nhận thấy một người lớn hơn nó, mặt đen đũi, dữ tợn, hất hàm hỏi nó:

- Anh định chuồn con phải không?

Nó chẳng hiểu việc gì cả. Ngây thơ, nó nhìn thằng lớn để mình oan một cách sợ hãi. Thằng lớn phanh ngực áo tây vàng ra, tròn xoe mắt, rồi đội lại cái mũ lưỡi trai, lẳng lẳng vừa thọc tay vào túi áo Sửu vừa nói:

- Mà vượt quyền tao à? Mà vờ quên lệ ở đây à?

S Sửu ngơ ngác, hỏi:

- Tôi biết lệ gì?

Thằng lớn vừa lấy được hai xu xong, có hai thằng trẻ khác chạy lại, giục:

- Đánh thành tật đi! Không phải chỗ nó làm ăn ở đây.

Thằng lớn giờ nắm ngón tay, dậm dọ:

- Từ nay đừng quên, hé! Mà hỏi tất cả những đứa này xem nó có dám liều như mày không? Lần này tao tha, lần sau không chia cho tao thì chớ chết, con nhé!

Nói đoạn, nó quăng xuống đất một xu, rồi vênh vào thọc hai tay vào túi vừa huýt còi vừa đi.

S Sửu cúi nhặt tiền. Mấy đứa trẻ mát ruột, nói với nhau:

- Trêu vào tay Sáu Đen thì phải biết

S Sửu ức quá. Có lẽ cái nghề mới này nó không được tự do chắc? Vẫn vờ, nó đoán mãi không hiểu cái bặt tai khi này, thằng Sáu Đen muốn bảo gì nó.

Nó thấy người vào chợ mỗi lúc một đông như hiến nó những dịp kiếm tiền rất dễ dàng, nhưng nghĩ đến Sáu Đen, Sừ lại chột dạ. Nó thêm thuồng quá. Nó len lét đứng ở gốc cây, mỗi chốc lại đưa mắt nhìn trộm Sáu Đen, đương tán ma tán mánh với các chị hàng rau xanh xắn. Bỗng Sáu Đen ngửa hai ngón tay, vẫy nó và gọi:

- Ê!

Nó lo mê người, ngớ ngẩn đến. Sáu Đen hát hàm, hỏi nó:

- Mà ở đâu?

Sừ xanh mặt, thực thà đáp:

- Thưa ông, tôi chẳng ở đâu cả.

- Mà đến đây tự bao giờ?

- Thưa ông, từ sáng nay.

Sáu Đen dọa:

- Đồ ăn cắp! Muốn chết!

Sừ run lên, ấp úng:

- Thưa không ạ.

- Ừ, không! Liệu hồn!

Đoạn, Sáu Đen nắm chặt cổ Sừ, quay Sừ mấy vòng, và hắt một cái. Sừ yếu, ngã vồ xuống đất. Sáu Đen đắc chí, cười khì khì, rồi lại vẫy bằng hai ngón tay:

- Mà yếu lắm, đi mà về cái nhà bò.

Sừ uất lên, song làm gì được! Nó đành nén bực, không dám nói nửa lời.

Sáu Đen vát chéo chân, tựa vào tường, hỏi:

- Tao đây, hiểu chưa, chúa chõ này, hiểu chưa? Đấy, mày trông, những thằng oe kia phải nộp thuế cho tao, tao mới cho làm ăn yên ổn, rõ chưa?

Sừ liếc nhìn Sáu Đen, đáp:

- Vâng.

- Mày cũng vậy. Chuồn thuế thì phải biết, hiểu chưa?

Bấy giờ nó mới hiểu rằng Sáu Đen là trùm bọn trẻ con ở đây. Thế thì, nếu nó muốn kiếm ăn, nó không thể nào không thuận phục thằng trùm này được.

Bỗng Sừ thấy mọi người chạy toán loạn, đuổi theo một đứa lớn hơn nó một tí.

- Nó ăn cắp của tôi! Các ông các bà bắt nó cho tôi!

Cảnh náo nhiệt làm cho Sừ đứng giương mắt nhìn. Nó thấy người ta đuổi kịp ngay đứa ăn cắp. Người ta đánh nó túi bụi, đến nỗi Sừ rùng cả mình. Lúc ấy, Sáu Đen chạy ngay đến chỗ đông, rồi một lát, hăm hăm trở lại, vừa đi vừa sừng sộ:

- Phải, cứ mỗi chóc lại bắt lầm thế nhé!

Rồi Sáu Đen giơ chân giơ tay, nói với mọi người đứng xem:

- Cây nhón bắt nạt bé! Đồ mặt! Nó có ăn cắp bao giờ!

Sừ tự thấy kiếm ăn ở một nơi rất nguy hiểm. Độ mười lăm phút, sau khi không còn ai bàn tán gì đến chuyện ăn cắp ấy nữa, thì một thằng bé con, vẻ mặt kín đáo, đến gần Sáu Đen, trông trước trông sau, rồi giúi vào tay Sáu Đen chiếc dây chuyền vàng róc.

Sửu sợ quá, không dám nhìn, nó vờ quay mặt đi, rồi lảng ra chỗ khác. Nhưng vừa được mấy bước thì thành linh nó bị một bàn tay cứng như sắt bóp vào cổ nó, lắc mấy cái:

- Liệu hồn, con nhé. Theo đây.

Sửu quay đầu lại, thấy Sáu Đen. Nó không thể đoán được rằng rồi Sáu Đen sẽ làm tội làm tình nó. Nó muốn trốn quách đi, song chắc không thể được.

Hai đứa bước thật mau, đến một ngõ hẻm, Sáu Đen vào nhà vừa thấp, vừa tối. Sửu tưởng tượng như đến một nhà ngục để nó bị hành hình.

Sáu Đen rót nước, uống, rồi dịu dàng, hỏi:

- Anh thấy mây hiền lành, anh thương, hiểu chưa? Nhà mây ở đâu?

Sửu sợ hãi, đáp:

- Thưa ông...

Sáu Đen lắc đầu:

- Gọi bằng anh!

- Thưa anh, tôi không có nhà.

Sáu Đen trợn mắt:

- Không có nhà? Mày cứ nói thực, không việc gì mà sợ.

- Thưa anh, tôi nói thực.

- Thế hôm qua, hôm kia, mây ở đâu?

- Hôm qua, suốt ngày tôi đi phố, đêm tôi ngủ ở hè nhà người ta.

Sáu Đen nhìn trừng trừng vào mặt Sửu, hỏi:

- Thế hôm kia?

- Hôm kia, tôi...

Sửu ghen lời, cảm động. Tự nhiên nó kể thực cả cảnh ngộ nó. Sáu Đen gật gù, nói:

- Tình cảnh mày đáng thương đấy. Mày có bằng lòng ở đây với tao không?

Sửu ngây thơ, nhìn Sáu Đen. Sáu Đen lại nói:

- Tao dạy mày nghề mà kiếm ăn.

Nửa mừng nửa lo, Sửu áp úng, không đáp. Sáu Đen nói:

- Tao thấy mày nhanh nhẹn mà hiền lành, tao thương, có thể thôi.

Nó liền đáp:

- Vâng.

Rồi quả nhiên Sửu được Sáu Đen cho ăn cơm, mà không bắt làm gì hết. Nó cũng cảm động.

Sáng hôm sau, Sáu Đen tỉ tê, bảo Sửu:

- Mày nhanh nhẹn, nhưng khí thật thà. Phải bỏ cái thật thà đi mới kiếm ăn dễ, mày ạ.

Sửu vì đã quen, nên mỉm cười, đáp:

- Vâng.

- Ví dụ mày thấy ở ngoài đường có cái ví tiền người ta đánh rơi, thì mày làm thế nào?

Sửu lúng túng, sau cứ thẳng thắn, đáp:

- Dem đến nộp sở Cảnh thì phải hơn...

Sáu Đen thở dài, thương hại, nói:

- Thế thì mày không thể học được nghề tao. Mày còn ngốc lắm.

Sứu tranh nói:

- Tôi đã nói hết câu đầu. Tôi bảo thì phải hơn kia mà. Nhưng mà mình phải lấy cái ví ấy.

Sáu Đen gật đầu:

- Phải, thế mới công bằng. Vì đĩa đánh rơi ví, hẳn là đĩa có nhiều tiền. Tiền của nó, mình được tiêu, nó không xót lắm, mà mình thì đỡ được mấy hôm vất vả.

Sứu tiếp:

- Và để cho nó chừa thói lơ đãnh.

Nói đoạn, nó cười như nắc nẻ.

Thế là Sứu được học nghề ăn cắp chợ. Sáu Đen truyền cho cách rút bút máy, cắt khuy áo và ruột tượng, là những bài học võ lòng. Sáu Đen bắt nó tập thật nhiều lần cho quen tay, rồi đến khi thấy nó ra chừng hơi đắc đạo, Sáu Đen mới sai nó đi thực hành môn học. Sáu Đen dặn:

- Phải mạnh bạo, liêu lĩnh mới được. Đừng sợ ai bắt mày. Đã có chúng tao đứng ngoài. Mày phải nhanh nhẹn đưa thứ lấy được cho thằng Bảo, hiểu chưa?

Mấy hôm trời Sứu được no nê cơm nước, lại được Sáu Đen chiều chuộng, nên nó cũng quên nó là thằng ăn cắp đương tập sự.

Nay nó phải đem sức học ra để kiếm ăn, nó mới sức thấy cái nghề này gần nhà pha quá. Tự nhiên, nó đâm sợ

hết cả mọi người mà nó gặp. Đứng ở phố, nó tưởng tượng như xung quanh nó, bao nhiêu cánh tay sắp vỗ bắt nó, bao nhiêu con mắt dán vào sau gáy, sau lưng để dò xét nó. Hình như ai cũng ngờ vực nó. Hình như ai cũng biết nó là thằng ăn cắp. Nó xấu hổ, hối hận.

Nhưng biết làm thế nào? Nó theo Sáu Đen ra đến chợ, đứng lảng vảng chỗ xa xa. Sáu Đen nói:

- Có món nào dễ làm thì tao bảo chúng nó để phân mày nhé.

Sửu sợ run cả người. Nó phân vân. Chắc nó chưa thể ăn cắp được. Nó chưa lành nghề, chắc rằng còn ngưỡng nghịu quá. Bỗng Sáu Đen ra hiệu, đưa mắt vào một người học trò, tuổi bằng trạc Sửu, và ghé tai bảo:

- Đấy! Thật ngon ơ nhé.

Nó ngập ngừng. Sáu Đen khuyến khích và giảng như mắt trông rất rõ:

- Cái túi tiền nó để trong túi áo dài. Cái ví ấy nặng đấy. Nhìn cổ áo, bên không có ví thì cao, bên vạt con có túi đựng ví thì thấp. Rõ chưa? Đấy. Mà dễ quá. Áo nó hai khuy nách tuột sẵn ra rồi, chỉ còn một việc còn con nữa là thành công thôi. Đi, đi mau!

Sáu Đen làm tới. Sửu bước liêu chân đi. Nó thấy gáy như có cái gì buồn buồn. Nhưng nó không thể lui được. Sáu Đen vẫn trông theo nó.

Người học trò ngênh ngang đi trước các cửa hàng, dán mũi vào kính để xem đồ đạc bày ở trong. Sửu đứng sát

gần, lẳng lẳng cỡi được nốt một chiếc khuy áo nữa. Cái vạt cả mở tõe ra. Sứu nhìn rõ cái túi ngoác miệng, trong đựng cái ví đen đen. Chỉ còn một việc rất nhẹ nhàng là rón hai ngón tay, rút khe cái ví lên là xong. Người học trò thì đương mê man ghéch nhìn mãi vào trong tủ. Sứu áp lại, nó liếc nhìn hai bên. Không có ai cả. Nó gơ tay. Bỗng nó run lên. Thần lương tâm như đứng nghiêm chỉnh trước mặt nó.

Nó lại hạ tay xuống. Nó đưa mắt nhìn người học trò. Người ấy vừa bằng tuổi nó. Thế mà nó nỡ ăn cắp của người ta.

Nhưng nó phải ăn cắp mới sống được. Nó cả quyết nhấc tay lên, đưa gần tà áo. Bỗng nó lại co lại. Nó hồi hận. Tự nhiên nó nghĩ đến người mất ví sẽ vì nó mà phải đòn, phải chửi. Nó không được thấy lúc người mất của khóc mếu, song một người bằng tuổi nó phải khổ vì nó, nó nỡ nào! Cái túi áo ngoác ra, và sự lơ dểnh của người học trò như mời khan mời vã nó lấy đi. Song, cảm động quá, nó thở dài một tiếng thực to, rồi cầm cổ chạy đến Sáu Đen, Sáu Đen hăm hăm, hất hàm hỏi:

- Sao?

Sứu chớp mắt mấy cái, nhăn nhó, lắc đầu, nói:

- Tôi không nỡ.

Tức thì, Sáu Đen hăm hăm:

- Được, về đây. Thực là cơm toi!

Nói đoạn, nó hăng hái về nhà. Sứu đi theo, lo lắng, biết rằng nó sẽ bị trừng phạt một cách rất nghiêm ngặt, mà nó

chỉ có tội là còn chút lương tâm. Quả nhiên, khi vừa tới nhà, Sáu Đen quay lại, tát ngay cho nó một cái, nó ngã khụy xuống đất, rồi chửi mãi. Đoạn, lên giọng chua chát, Sáu Đen mĩa, nói:

- Hừ! Đói thì ăn cấp, có gì là xấu hổ... Mà ổng con mà cũng xấu hổ. Muốn xấu hổ thì ổng cho được xấu hổ! Ở đời này, không có nghề gì để mặt cả. Rồi ổng cho mày mài cái lương tâm ra mà ăn.

Nói đoạn, cẳng tay, gót chân, thụi đá vào ngực, vào mạng mỡ Sửu một cách tàn nhẫn, khiến Sửu tê người đi, tưởng chết. Rồi Sáu Đen bắt Sửu nhịn cơm và bảo:

- Mày nhịn đến khi nào mày thấy sự đi ăn cấp là cần cho mày sống, ổng mới cho mày ăn cái cơm ăn cấp.

V

Những dịp may

Nhìn cơm hai bữa, Sửu đói meo. Song nhất định nó theo tiếng gọi của lương tâm, không làm cái nghề của Sáu Đen mà nó cho là đê mạt. Nó xin Sáu Đen cho nó ra chợ đem rồ thuê và giữ xe đạp, nhưng Sáu Đen lắc đầu, đáp:

- Nghề ấy không đủ kiếm ăn. Nghề ấy chẳng qua là phụ, cho người ngoài tưởng mình là lương thiện, để dễ làm to mà thôi. Không ăn cấp, không thể sống được!

S Sửu thở dài. Nó càng thấy bộ mặt sắt đá của Sáu Đen, nó càng tỏm. Có lẽ nó không thể ở đây cho Sáu Đen nuôi báo cô mãi, mà không đến được bằng một công việc gì. Chiều hôm đó, nhân Sáu Đen đi vắng, Sửu lẻn ra ngoài phố.

Bụng nó đói quá, đến nỗi nó hoa cả mắt. Chân nó như không đủ sức đỡ vững cái thân đét như con cá mắm của nó. Qua các hàng cơm, nó thấy mấy anh phu xe ngồi ở ghế dài, tay cầm gọn hai chiếc dĩa tre mảnh dẻ, xới bát cơm, thổi phù phù cho đỡ nóng, rồi và ba bốn lượt hết một góc, phùng mồm để nhai rất ngon lành. Sửu thêm rồ dãi. Nó càng thấy còn cào cả ruột. Thọc hai tay vào túi, Sửu nhìn mồm mấy anh phu xe mà thèm quá. Song đứng ngắm lâu hơn nữa, nó cũng chẳng được đỡ đói nào, nó lại lang thang

đi. Sứ đi, chẳng có mục đích nào cả. Bỗng những tiếng kèn náo nùng ở đằng xa đưa lại. Một đám ma đương thong thả tiến về phía nghĩa trang. Sứ đứng dừng lại. Nó cần xem đám ma cho quen đối. Giọng kèn như khóc như than, gieo vào lòng nó những nỗi thảm đạm. Sứ chờ và nghĩ rằng xem đám ma, có lẽ nó có lợi, nó bèn đi ngược trở lại.

Mấy ngọn cờ xanh đỏ từ từ ù rú tiến đến. Trống cà rùng nhịp nhàng làm cho nó hăm hở, phấn khởi cả lòng. Vài chiếc kiệu sơn son thếp vàng, rồi đến linh xa, khói hương nghi ngút, khiến cho Sứ vụt nghĩ ra một ý rất hay. Nó phải nhân dịp người ta đau thương để gợi tấm lòng từ thiện. Rồi linh cữu qua trước mặt nó. Máy ngọn nến, như cảm tiếng bát âm đi bài lâm khốc và tiếng khốc than kêu gào của tang gia, mà rõ những giọt lệ âm thầm. Những người đi theo cữu, ai nấy có vẻ ủ dột. Nó cố nhận mặt vài người để đến gần, xin đồng trình bố thí. Thì một ông bộ vệ, nghiêm trang làm cho nó hy vọng.

Sứ theo người mà nó cho là phúc hậu nhất đám ấy. Ngập ngừng mãi, nó mới dám đánh bạo ngửa tay xin:

- Con lạy ông. ông thí bỏ cho con đồng cơm bát cháo.

Tức thì, ông phúc hậu quắc mắt nhìn nó, và nó bị ngay người ta lôi cổ ra:

- Đây không phải chỗ mày kiếm ăn, đừng vờ vịt rồi ăn cắp!

Ăn cắp! Nào nó có phải ăn cắp! Chính nó đương bị cái nạn thực thà đây. Nó thấy ông phúc hậu nhìn theo nó, rồi rí tai người bên cạnh. Người này khúm núm, đáp:

- Dạ.

Rồi người ấy cũng trông nó bằng đôi mắt kính bẻ, nghi ngờ, và nói với một người khác:

- Cụ lớn bảo đuổi nó đi ra xa.

Sửu sợ quá, nó phải lánh đi trước. Thì ra chỗ này, tuy người ta đau thương nhưng không đau thương kẻ sống phải khốn cùng. Sửu lại len lén đến gần chỗ các bà. Ở đây, người ta nói chuyện nghe vui tai hơn. Nhân nó để ý đến những câu vấn đáp. Một bà phương phi nói:

- Cuộc chợ phiên vừa rồi, tôi tốn đến hơn chục bạc.

Bà đi cạnh chép miệng, nói:

- Việc nghĩa nên làm, bà tiếc làm gì!

Một bà nữa nói:

Thì tôi quen đi cầu phúc ở các đền các phủ. Những cuộc vui ở Hà Nội, tôi chưa được dự một lần nào.

Sửu mừng thầm được chỗ nó giải bày cảnh khổ. Nó ngắm những nét mặt hiền từ của các bà mà thêm kính phục. Nó chìa tay, nói một giọng ngây thơ:

- Lạy các bà, hai bữa nay con chưa được ăn, xin các bà làm phúc.

Đồng thời cả hai bà cùng nhìn nó, và lại cùng trông đi, rồi nói chuyện:

- Những cuộc làm phúc bây giờ người ta đã tổ chức rất khéo, tuy mất tiền, song mình được rất nhiều cái vui về lạ lòng.

Sửu lại xin:

- Con lạy các bà làm phúc.

Một bà cau mặt, quát:

- Gớm! Cút!

Vừa bị hất hủi xong, Sửu liền bị người ta đuổi và dọa:

- Văn thằng ấy. Liệu hồn!

Sợ xám xanh mặt, Sửu vội tuồn qua mọi người, chạy mất. Nó hết cả hy vọng. Nó hiểu rằng nếu người ta cho nó một trinh, thì người ta chỉ mất tiền toi, chứ không được lợi gì cả.

Lúc bấy giờ, mặt trời tà đỏ ửng đã nhuộm hồng cả phía tây. Trận gió nhẹ như cố lay các lá cây cho khỏi ủ rũ hẳn. Cả một cánh đồng rộng, cỏ vàng, chân rạ xám, phơi rõ vẻ khô khan.

Bơ phờ, Sửu cúi đầu đi lên trước linh cữu, rồi trèo lên đống đá để nhìn. Bỗng nó thấy ở mặt áo quan, có một bát cơm với một quả trứng luộc. Nó mừng thầm. Từ thuở bé, nó chưa hề đưa đám ma ai bao giờ, nhưng nó chắc rằng cơm và trứng đây là của người chết, thì người ta không lấy về nữa. Nó sẽ xin người chết để được đỡ đói lòng vậy. Nó quả quyết theo dõi cho đến huyết.

Rồi người đưa đám lác đác thưa dần. Họ bám nhau đứng lại và thuê xe đi về lối phố. Sửu lại nhìn mấy ông bà từ thiện khi này, rồi nó thở dài.

Đám ma đến gần cổng nghĩa địa, thì tiếng khóc lại nổi lên như ri. Tự nhiên Sửu dào dạt cả lòng. Nó cảm động thật. Nó cảm động vì nó chưa được khóc một người nào thân thích của nó. Nó cảm động vì nó thấy người ta rất tử

tế với người chết rồi, chứ không hề thương những người sắp chết như nó chẳng hạn.

Bất giác, nó cũng rơm rôm nước mắt. Chẳng ai thương nó, thì nó thương nó vậy.

Người ta đặt linh cữu xuống đất, rồi luôn dấy chèo để khênh quan tài. Sứu ngắm kỹ quả trứng trắng nuốt và bát cơm đầy tú hụ trắng như bông. Nó mừng khắp khởi. Nó mong người ta chôn cho mau chóng rồi về, một mình nó ở lại, khẩn khứa, tạ tội với người chết, rồi lấy thức ăn để qua bữa chiều nay. Nó cho rằng ăn tranh của người chết không độc ác bằng ăn cướp của người sống.

Người ta khênh quan tài từ từ đến miệng huyệt. Thấy bát cơm quả trứng chực lăn nghiêng, một người đỡ lấy và bung ở tay.

Hạ huyệt. Không cảnh nào làm cho Sứu động lòng bằng cảnh này. Những người mũ mấn áo xô tả tới lẫn lộn tru tréo, rồi theo nhau nhảy cả xuống hố, ôm lấy quan tài mà nằm, nói chẳng ra hơi. Sứu thở dài. Bỗng nó quên mất cả đói. Rồi vài người đứng trên co hết sức những người ở dưới huyệt lên. Buổi chiều tà, ánh sáng nhạt, như làm tăng vẻ âm đạm. Sứu trông những người ngoi ngóp ở dưới hố lên, mà nó rợn cả tóc gáy. Nó tưởng chừng như lũ ma quý hiện hình, chập chờn trong tấm áo, chiếc mũ xô lơ mờ. Nó không dám nhìn lâu nữa. Thình thoảng, nó đưa mắt đến người bung bát cơm và quả trứng, đứng gần nó.

Rồi một thép mai hất một tảng đất xuống. Sứu mừng thầm. Trong ngót nửa giờ nữa, nó sẽ được no. Nó sẽ về nhà

Sáu Đen, lẳng lẳng lẩy bộ điệu nhanh nhẩu, vui tươi mà qua mặt ông chúa. Như vậy, nó cho Sáu Đen một bài học xa xôi, rằng không phải ai cũng cần ăn cắp mới có thể sinh nhai được, Sửu như mở cò trong bụng. Nó tự thấy kiêu căng lạ thường.

Nhưng bỗng nó rùn người như nghe tiếng sét đánh ngang tai: bát cơm và quả trứng, người ta vút theo nhau xuống huyết. Trong khoảnh khắc, cái hi vọng nó bị vùi xuống đất đen.

S Sửu bủn rủn cả chân tay, tưởng chừng như không đứng vững được nữa. Tự nhiên, nó rung rung nước mắt, nó khóc. Nó ôm đầu chạy một mạch thật xa, rồi ngồi lả bên cạnh một cái mả xây, nó thốn thức.

Thật là tuyệt vọng. Một ngày rười rối, Sửu chẳng được một hột cơm. Không biết nó tội tình gì mà trời đã nỡ dầy đoạ nó một cách ác nghiệt quá lắm thế. Nếu vậy, có lẽ nó không thể giữ vững được mãi tấm lòng thật thà, nó phải chịu cho Sáu Đen bắt nó làm những điều trái lương tâm nó.

S Sửu nghĩ ngợi lan man, bất giác ngủ lúc nào không biết. Nhưng giấc ngủ ấy cũng chẳng từ thiện chút nào, vì giá nó ngủ lâu mà say, thì lúc dậy, nó được thấy hơi dầy ở trong dạ. Khốn nỗi vừa chập tối, nó tựa mình, sức tỉnh dậy, mở mắt ra, Sửu nhớ là nằm ở trong nghĩa địa, nó sợ rùng cả mình. Những con đom đóm lập lòe bay giỡn trong khoảng tối đen làm cho Sửu nghĩ đến những người chết hiện ra để bắt nó. Không còn hồn vía nào, nó vội đứng phắt dậy, rảo cẳng chạy ra phía cổng. Nhưng mắt nó hoa

lên. Chân nó yếu quá rồi. Bụi cây lù lù bên đường, tiếng nghiêng rãng của bụi tre làm cho nó hết hồn. Song nó vẫn phải liều đi.

Phía Hà Nội, một vùng ánh sáng rực đến tận khoảng trời cao, như vẽ rõ hẳn vẽ giầu sang, sung sướng. Sứu cảm cổ đi. Nó dẫn đo, buồn bực, vì nó phải đến nhà Sáu Đen để ngủ đêm nay cho yên vậy.

Đến nơi, Sứu bẽn lẽn. Sáu Đen vẫn sắt đá, mỉa nó:

- Mà y gan hơn tao. Hay mà y đã xin đầu được bữa chiều nay? Nếu có thể thế được mãi, thì tao cũng mừng cho.

Sứu sợ hãi, đáp:

- Không, tôi đứng chơi ở đầu phố.

- Mà y có đói không? Đã cần ăn cơm của tao chưa?

Sứu mỉm cười, không đáp, đem chiếc chiếu ra hè nằm cho mát.

Đêm hôm ấy, Sứu còn cào, không sao ngủ được. Nó lẳng tai nghe kỹ xem mọi người ngủ yên, để nó liều, thử một lần cuối cùng. Nhưng trời nực, nên người ta khó ngủ. Sáu Đen hết nghề ngao câu sa mạc, lại đến bài cải lương, mà những thằng bé con, đồ đệ Sáu Đen, thì còn rúc rích đùa nhau mãi.

Sứu thật không thể nào nằm nhắm mắt yên được. Nó thấy mình nó nặng quá rồi. Nó cựa bên nào cũng khó chịu. Các đầu xương ê ẩm, mỏi rời. Muốn nằm yên một lát để thiu thiu đi, nhưng không sao nó quên được việc đói. Mười ba tuổi đầu, sức vóc đã ra gì, mà nó phải nhịn cơm luôn ba bữa. Sứu trừng trừng mở mắt ráo hoảnh. Mấy ngôi sao

trên trời lấp lánh, làm cho nó nhớ lại cảnh nghĩa địa lúc chập tối. Nghĩ tới đó, nó lại tiếc bát cơm với quả trứng non nà. Người ta chôn xuống đất. Người ta vô tình mà xử ác với nó.

Độ đến nửa đêm, cả nhà yên lặng. Sừ lắng tai nghe, thấy ai nấy ngáy đều. Nó không nằm dai nữa. Cơ hội tốt đã đến. Nó bèn khe khẽ ngồi dậy, rồi sờ soạng, lặn vào trong bếp.

Nó thuộc chỗ để nồi cơm mọi khi. Nó ngồi xuống, đưa tay giốn từng ngón để dò lối đi. Rồi nó thấy cái nồi. Mừng quá, nó phấn khởi cả lòng. Nó mở vung ra, thọc tay vào xem, thì may thay, vài cục cơm vẫn còn dẻo, làm cho nó chẳng đắn đo gì nữa.

Sừ liền giốn cơm bỏ vào mồm, nhai lách nhai để. Nó thấy cơm vừa ngọt vừa thơm.

Nhưng bỗng có ánh đèn chiếu vào bếp. Hết hồn, Sừ nuốt vội nuốt vàng và đứng phắt dậy, thì vừa lúc nó thấy Sáu Đen hằm hằm đứng sừng sững trước mặt, nó đã bị một cái bạt vào gáy rất mạnh:

- Này ăn này.

Sừ choáng cả người, ngã giúi giụi. Sáu Đen theo nó, giơ thẳng tay, tát hết sức mấy cái. Sừ đổ đồng quang mắt, nằm roài ra đất. Mũi nó, máu chảy ra ròng ròng. Sáu Đen hỏi:

- Mày bảo không nở ăn cắp, thế bây giờ mày làm gì đây?

Sừ lạy van, khóc lóc. Sáu Đen nói:

- Tao đánh cho kỳ nôn trớ cơm tao mới thôi. Cho mày ăn, cũng bằng thừa.

Sửu vái lấy vái để:

- Tôi lạy anh! Tôi lạy anh! Tôi chừa rồi!

Sáu Đen vừa giơ tay vừa quát:

- Mày chừa gì?

- Ối tôi lạy anh, tôi xin đi ăn cấp!

Tiếng kêu đau đớn làm cho Sáu Đen ngừng tay:

- Có thật không?

Sửu vội thưa:

- Thật ạ.

- Thế thì cho mày ngồi dậy.

Sửu khóc sụt sùi, cố ngồi. Sáu Đen lên giọng lịch duyệt, mắng:

- À, bây giờ mày mới lạy tao đi ăn cấp! Mày không cho ăn cấp là nhục nữa, phải không? Mày chịu rồi à?

Dứt lời, Sáu Đen đá Sửu một cái vào mạng mỡ. Sửu ức lên, không thở được, gò lưng, lại nói:

- Tôi lạy anh, tôi đau quá, tôi xin đi ăn cấp.

- Phải, mày ngu lắm, mày tưởng mày khôn hơn tao. Mày cao thượng được nữa không? Mày ăn cấp của tao, tức là ăn cấp của thằng ăn cấp mà không biết. Đấy, tao cho phép ăn đi. Mai, không đi ăn cấp, thì ông bảo.

Sửu gạt nước mắt, không dám ăn. Sáu Đen quát:

- Ăn đi! Cho ăn thì không ăn. Không cho ăn thì ăn cấp. Đồ khốn nạn.

Sửu sợ quá, bốc cơm bỏ vào mồm. Tuy đau đớn nhưng được no, nó phải cố ăn. Trong khi ấy, Sáu Đen nhìn nó, và dụi lời, vênh váo giảng:

- Mày thực hết sức ngu. Ăn cắp là một nghề kiếm ăn, cũng như trăm nghìn nghề khác, có gì là xấu. Mình đói thì phải đi ăn cắp, lẽ đó rất phải. Trừ phi mình thừa tiêu mà đi ăn cắp thì mới đáng nhục. Và ở đời này, thiếu gì thằng phong lưu giàu có, mà cứ đi ăn cắp. Mày thử nghĩ mà xem. Ở đời, chỉ những thằng ngu dại như mày mới cho ăn cắp là dê mặt mà thôi, chứ mày có biết đâu còn bao nhiêu đứa mong ăn cắp được mà không nổi đấy, con ạ.

VI

Sáu Đen tiên tri

Sửu phải đi ăn cấp thật.

Lần đầu, nó cắt ruột tượng của một bà nhà quê, rút được hơn bốn đồng bạc. Xong, nó cảm cổ chạy, không dám nhìn lại người mất của. Nó thương bà và tự thấy khốn nạn hơn cả lúc đói. Đến khi nghe tiếng bà ta tru lẫn treo lộn ở giữa chợ, kêu gào, nó càng cảm động. Cả chợ huyên náo, người chạy đi chạy lại, ai nấy muốn tóm bắt được những thằng kẻ cấp quen mặt mọi khi để trừng trị. Nó phải quay đi, không dám nhìn. Sáu Đen mỉm cười, bảo nó:

- Đó, mày nên trông, nên nghe cho quen mắt, quen tai đi. Trước tao cũng như mày. Nhưng nay thấy cảnh trước mặt họ ngu ngốc thế kia thì mình mừng thầm rằng nghề mình còn có cơ sống lâu được.

Sửu cũng mỉm cười, nhưng kỳ thực trong bụng nó muốn khóc. Thấy mọi người tận tâm tìm kiếm đứa thủ phạm, và người bị nạn mếu máo kể lễ lịch sử cái món tiền mồ hôi nước mắt, Sửu chỉ muốn chạy phăng ra thú tội ngay cho hợp lẽ công bình.

Sáu Đen gật gù, rồi nói nhạo:

- Một lū mất thịt thể kia, bao giờ tìm kiếm được cái gì, thà cứ im cả đi lại đỡ buồn cười.

Sửu ngớ ngẩn, nói:

- Phải, và đỡ mất công toi nữa.

Sáu Đen láu lỉnh nhìn Sửu, đáp giọng nửa quả quyết, nửa mỉa mai:

- Nhưng rồi sao họ cũng truy ra thằng ăn cắp.

Sửu nhìn Sáu Đen, có ý sợ hãi. Sáu Đen thản nhiên, nói tiếp:

- Song mày đừng ngại. Người ta truy ra thằng ăn cắp, nghĩa là mày vẫn không việc gì.

Sửu ngạc nhiên, hỏi:

- Thế thì ai bị bắt?

- Lại một thằng oắt con nào đi ăn mày vô phúc lảng vảng đến chỗ này, hoặc những thằng đói khát nào cướp giạt củ khoai lang chẳng hạn.

Sửu rùng mình, thở dài. Nó không ngờ sự thực lại có thể như thế được. Sáu Đen lại nói:

- Nghĩa là tao muốn bảo cho mày biết rằng mày đi với tao là mày có phúc đấy. Chỉ những đứa nào không ăn cánh với tao, mới bị bắt mà thôi. Chợ Hôm là đất của tao, thằng nào ở ngoài lọt vào thì cho chết, đáng kiếp.

Sửu há mồm ra để nghe. Tuy mừng rằng nó tránh được ra ngoài vòng pháp luật để yên trí làm ăn, nhưng nó

nghe thương hại cho đứa nào phải tù phải tội thay nó. Sáu Đen thấy mặt nó rầu rầu, bèn an ủi:

- Mày nghe cái gì? Mày không phải lấy làm lạ. Nếu không có những thằng ăn cắp lớn thì làm sao có thằng ăn cắp vặt. Mà những thằng ăn cắp lớn, lại không bị gọi là kẻ cắp.

Sửu không ngờ ở đời có những điều thực bất công như thế. Nó không muốn nghe Sáu Đen nói nhiều nữa. Nó vờ kêu nhưc đầu, và xin đi về trước.

Đến nhà, Sửu nằm ẹp trên chõng, vắt tay lên trán, nghe ngợi mãi.

Lúc nào trong óc nó cũng hiện lên cái hình ảnh người đàn bà nhà quê thực thà bị ăn cắp ban nãy. Nó nhớ đến những dòng nước mắt, những tiếng kêu gào thảm thiết của bà ấy, mà nó đau lòng. Nó sực tưởng tượng đến một đứa bé đói khát bỗng tự nhiên bị người ta xịch tay và lôi cổ đi vào ngồi tù thay cho nó. Nó rơm rớm nước mắt.

Rồi bữa cơm chiều hôm ấy, nó cáo ốm không ăn.

Không ăn, nhưng sáng hôm sau Sáu Đen vẫn gọi Sửu dậy đi làm. Đi làm cái việc mà nó ghét, cái việc vô nhân đạo và gieo vạ cho người lương thiện khác. Song lần này nó đã hơi quen với tiếng gào khóc của người mất của, nó không thấy lương tâm cắn rứt lâu bằng lần trước, nên bữa cơm chiều nó cũng ăn được như thường.

Lần thứ ba, thứ tư, mỗi khi lấy được vật gì, Sửu không nhìn theo người mất cắp nữa. Nó để ngoài tai những sự đau đớn của người ta, và chỉ hồi hộp khi còn phải trông

thấy mọi người lục tục chạy đi tìm thằng ăn cắp. Nó hồi hộp đến khi được biết có đứa bị bắt thay cho nó rồi, thì nó lại yên tâm như thường.

Dần dần, Sửu để bụng nghĩ về nghề ăn cắp. Nó muốn nhanh và khéo hơn. Rồi một vài khi, những bận khó khăn mà nó làm ăn được trôi chảy, thì nó thấy khoái trí, sung sướng và kiêu hãnh lắm. Rồi sau nó không ăn cắp vì cần dùng nữa. Thấy những người nghênh ngang khoe khoang tiền của một cách chướng mắt, nó ăn cắp cho bõ ghét. Thấy bạn kể lại rằng đã phải dùng những mưu mẹo tinh khôn mới có thể lấy nổi được cái ví tiền để ở túi sau quần của một công tử, nó cũng vì ghen tài mà móc cho ra cái ví tiền bằng bạc ở trong túi có gài ghim băng của một tiểu thư. Lại muốn đùa bỡn với bạn đồng nghiệp, nó lập kế lấy hẳn cái áo đi mưa của ông đội xếp có tiếng ác và bắt cắp giỏi. Và muốn giải buồn, nó với bạn nó thi nhau tháo dây chuyên ở cổ một cô, rồi lại đeo vào trả hẳn hoi, mà cô ấy không biết.

Bởi vậy, chiều nào bọn nó cũng có cuộc tụ họp ở nhà Sáu Đen. Đó là những buổi tụ họp rất bổ ích. Đứa nào có ý gì hay, có khéo gì lạ, thì đem ra bàn và dạy nhau, để sáng hôm sau ra chợ thực hành.

S Sửu rất vui vẻ về cái đời hoạt động của nó. Hôm nào trở trời, bắt buộc dĩ phải nằm nhà, thì nó buồn tẻ lạ thường như một ngày trống trải, không đầy đủ.

Trông thấy những đứa khác bằng tuổi nó cắp sách đi học, hoặc đi làm đầy tớ, nó vừa thương hại, vừa khinh bỉ. Những đứa ấy sống một cách tầm thường theo khuôn mẫu

định sẵn của số phận. Chỉ những hạng như nó mới gọi là đáng sống, lúc nào cũng hoạt động vui vẻ mà phấn đấu với đời. Nhiều lúc nó tự hào, dám hi vọng một ngày kia, sẽ dùng những thủ đoạn phi thường để làm cho không ai có thể thích nó được, mà có lẽ lại ước mong như nó. Nó lại không oán hờn gì hết. Cả ông bà cả Bách, bác Sang, cha và mẹ để ra nó. Nó cho đều là những người ân nhân cả. Nếu không được những người ấy ruồng bỏ bạc đãi nó, nếu không được bơ vơ, thì bao giờ nó được khôn ngoan như bây giờ.

Sửu phục và mền Sáu Đen lẩm. Nó thân như anh em ruột, trọng như thầy học. Bởi vậy, Sáu Đen cũng yêu nó, thường nói với nó:

- Mà rồi ngày sau hơn tao nhiều.

Sửu sung sướng, càng gắng sức cho lành nghề hơn.

Một hôm, ngồi uống rượu với Sáu Đen, Sửu nói:

- Anh có thấy chỗ kiếm ăn của nhà mình hẹp hòi không? Tôi không hiểu sao anh không có chí bay nhảy.

Sáu Đen cười, đáp:

- Mà có chí to, nhưng thế là rồ dại.

Người ta làm ăn chỗ nào, vào mặt nào đã quen, thì không nên đổi nữa. Đổi mặt làm ăn, đã không lợi, thì lại hại cho nghề và cho mình. Tao cũng đã nghĩ như mày, nhưng rồi thôi, tội gì...

Sửu rót rượu thêm, nói:

- Anh nói thế, tôi không phục tí nào, Anh chỉ là một

thằng ăn cắp để kiếm ăn đủ sống, không phải thằng ăn cắp để làm đẹp đẽ đời mình.

Sáu Đen nhạo:

- Mà y say rượu rồi, đã đâm nói càn.

Sửu cáu lăm, trợn mắt, nói:

- Tôi nghiệm ở đời phải liều mới có thể phát to được.

- Phải, nhưng nếu không phát?

- Nếu không phát thì thôi, có làm cái gì đời ghê tởm của mình!

Sáu Đen cảm động, lắc đầu, nhìn Sửu một cách thương hại, nói:

- Số mình là số ăn mày, ăn xin. Ông ấy chỉ cho ăn có ngần ấy, nếu mình ăn dè thì có thể được suốt đời, bằng mình tham thì chóng hết, hoặc nuốt không trôi thì hóc. Tao xem mày, không có cơ bền lâu được như tao đâu, cứ ngang tàng lăm, tao cho phải bắt sớm.

Sửu cười nhạt:

- Được, để tôi xem đoán đúng hay sai, anh bảo độ bao giờ thì tôi phải bắt?

Sáu Đen nhìn tròn trọc vào Sửu, như muốn trông thấy tận gan, tận ruột Sửu, rồi nói:

- Ngộ mày ở tù ra thì mày có đến đây làm với tao nữa không?

Sửu vội nói:

- Có chứ! Anh em bao giờ bỏ nhau. Để thương ở tù thì khôn người ra đây, anh nhỉ?

- Cái đó đã hẳn, vì bao nhiêu những cảnh khổ cực đều là những ông thầy dạy khôn người ta cả.

Sứ ngược mắt nhìn lên, thở dài.

Sáu Đen tùm tùm, nói:

- Tao xem chúng mày cao hứng sự ngồi tù lắm. Thứ mày thì người ta cho lên nhà trừng giới ở Tri Cự. Mày hay bắng nhắng, không khéo độ ba hôm nữa là cùng.

Lời Sáu Đen rất công hiệu. Quả nhiên ba hôm sau, Sứ đương vợ vẫn đứng chơi ở trước cửa nhà, thì bất thành linh, bốn người ập vào bắt và giải đi. Nhưng trước khi lia nhà Sáu Đen, nó còn cố đụng cánh cửa bên trái để làm hiệu cho các bạn thấy khác dấu mà đừng về. Nó kinh ngạc, không ngờ lời Sáu Đen lại nghiệm được như câu sấm.

VII

Thím Tài Hing

Thím là người Việt Nam, nhưng làm dâu nước Trung Hoa. Cũng như trăm nghìn bạn đồng chí, thím lấy chồng một cách giản dị thôi.

Người ta không biết, và cũng không tò mò muốn biết cỗi rễ thím, nhưng người ta phỏng theo lý lịch của thím Chấn, thím Lòong Pảo mà đoán rằng thím Hing này cũng đại khái như những thím kia.

Năm nay thím ngót bốn mươi, nhưng phấn sáp và quần áo đã giảm bớt cho thím mười năm già. Bởi vậy, thím vẫn giữ chắc chắn tấm ái tình của đức lang quân kém tuổi.

Thím không cần lấy chồng người Nam nữa, bởi vì hơn mười năm đầu gối tay áp với chú Hing, thím đã có thể giấu giếm, nay một ít, mai một ít, làm được chiếc nhà gạch trong quê cho cha mẹ ở. Lấy chồng người Nam, thím biết, rồi phải nuôi người ta, vì đem cái thân đàn bà trên lưng có hàng đồng tuổi đi hỏi chồng, thì quyết hẳn phải lụy xuống, mà cái hạng đàn ông đến thời kỳ ấy mới tìm đến thím, tất nhiên họ không lấy thím làm vợ, mà chỉ lấy thím làm cái

mở để đào thôi. Và duyên Hoa- Việt từ trước đến nay vẫn một niềm đam mê, thì đại gì thím ước vọng những cái hảo huyền.

Chú Hing rất yêu vợ, không bao giờ chú có tư tưởng một ngày kia lại quay đầu về làm rể nước, hoặc vì chú thấy người đàn bà Việt Nam có rất nhiều đức tính, nhất là đức tính thực thà. Và đàn bà Việt Nam không có nhiều cái rắc rối như đàn bà nước chú. Học chịu khó, biết hà tiện và không hay bắt nạt chồng.

Ở Hải Phòng đã lâu năm, mà chú không hề thấy vợ đưa chị đưa em, đòi sắm thức nọ, mua thức kia bao giờ. Những phấn, những sáp, những quần áo tân thời mà hiện nay thím dùng là do chú ép lắm, thím mới bắt buộc đi mà trang điểm, chứ thực thím vẫn nguây nguẩy nói:

- Tốt đanh hơn lành áo, mình ạ.

Chú cảm về câu phương ngôn ấy bao nhiêu, chú lại phục và yêu vợ bấy nhiêu. Chú so sánh vợ chú với vợ các bạn, thấy họ chỉ ăn tiêu phá hại, lập những cuộc tình ái vụng trộm, mà chú tự cho chú rất đầy phúc. Bởi vậy, đã ba bốn năm nay, cứ cuối tháng, chú đưa cả số tiền cho vợ giữ mà không hề bắt tính toán rành mạch các món chi tiêu.

Kịp đến ngày năm ngoái, gặp năm kinh tế khủng hoảng, chú bị ông chủ thải về, thì chú càng phục vợ về sự thủ tiết. Buổi chiều hôm chú mất việc, thím khóc lóc, nhịn cơm rồi tìm những tiếng khách nói rất đúng mọ mà “tỉu” ông chủ là đồ ba que và giảng cho chú biết là chú đã bị một cái nạn vợ đẹp. Chú Hing hỏi:

- Sao? Mình nói rõ cho tôi nghe.

Thím vắt nước mũi, quệt khăn qua mắt, rồi nói:

- Hôm nọ, thằng cha ấy thấy tôi đi đôi với mình ở phố, nó đem lòng yêu dấu. Hôm kia nó đến tận đây gạ gẫm tôi, bị tôi cự tuyệt, mắng cho một trận, nên nó thù mình.

Chú Hing thù người, rưng rưng nước mắt, thở dài, nắm chặt lấy tay vợ, rồi lắc đầu:

- Mình làm tôi ghen ngào!

Thím Hing sung sướng, lườm yêu chồng.

Chú Hing mỉm cười, vuốt ve vợ, hỏi:

- Từ nay lấy gì mà ăn?

Thím Hing kiêu căng, đáp:

- Cần gì! Người ta không cho mình làm công thì mình làm ông chủ. Mình làm cho mình chẳng hơn phải đi lụy người ta.

- Làm gì? Mình bảo làm gì?

- Mình có vốn, sợ gì chết đói!

Rồi nghĩ ngợi một lát, thím hỏi:

- Nhưng mình xưa nay quen lối công tử, biết rằng mình có chịu nổi nổi khó nhọc không?

Chú Hing gật lấy gật để:

- Chịu được chứ! Chịu được chứ!

- Có khó nhọc thì ăn mới ngon chứ.

Thế là hai vợ chồng Hing bàn nhau việc buôn thuốc phiện lậu.

Nguyên thím Hing quen thân với một người đàn bà có ty bán thuốc phiện. Một đôi khi chuyện trò thân thiết, nên bà ta nói cách thức buôn. Đã một lần, thím Hing bỏ tiền ra chung vốn, và được trông thấy lãi rất nhiều. Vì vậy, thím quyết phen này sinh nhai bằng nghề buôn dễ dàng ấy.

Nhặt nhanh nợ nần được vài trăm, chú Hing mới đi thử một chuyến mạn Lao Kay và được trôi chảy. Nhưng đến khi ăn tiêu gần hết thì chú bảo thím rằng:

- Từ nay mình đi có lẽ hơn, mình là người Việt Nam, không cần xin giấy thông hành. Vả, đàn bà không hay bị ngờ đâu.

Quả nhiên, lần thứ hai và thứ ba, thím Hing được trót lọt. Song thím bàn với chồng:

- Bọn nhà đoan ở Yên Bái tinh ranh lắm. Ta không thể giấu được mãi đâu. Hễ họ thấy mình đi lại luôn luôn và quen mặt, ắt họ sinh nghi, và việc ta sẽ bị bại lộ. Nghề buôn thuốc phiện lậu như đánh bạc, hễ được mà ăn non đi thì mới chắc dạ, nếu cứ tham, sao cũng có ngày đồng xu nhỏ chẳng còn.

Chồng thấy vợ tinh khôn và ra dáng thông thạo, biết lo xa, thì tỉnh ngộ, đáp:

- Phải đấy, ta hãy nên nghỉ một ít lâu, mà lần sau có đi, ta nên kiếm đường khác và dùng cách khác.

Thím Hing lắc đầu:

- Không có cách nào là bọn nhà Đoan không biết. Mình mới nghĩ được cách gì, là họ đã nghĩ được ngay cách ấy rồi.

Xưa nay, ta được nghe những cách buôn thuốc phiện lậu rất thần tình, ta định dùng thì cách ấy đã bị bại lộ lâu rồi.

Chú Hing lấy làm phải, gật đầu:

- Bởi vì bại lộ nên cách ấy mới đến tai ta.

Rồi nghĩ ngợi một lát, chú nói:

- Bây giờ có cách này, vất vả một tý.

- Cách gì?

- Mình đừng lên xe lửa ngay từ tỉnh Lao Kay. Mình đi xuống dưới vài ga, rồi đến gần ga Yên Bái, mình lại xuống. Nghĩa là nên tránh những nơi người ta khám kỹ.

Thím Hing lắc đầu:

- Nào người ta có chỉ khám ở trên xe lửa mà thôi đâu. Ngày nào không có người đi tuần khắp các ngã. Thấy tôi là đàn bà, lại đi một mình, mà hành lý công kênh, khỏi sao họ không nghi được.

- Nhưng đi lẫn vào rừng ấy.

Thím Hing nghĩ ngợi, rồi nói:

- Buôn thuốc phiện lậu chỉ nên cầu ở sự may, chứ tính nước khôn ngoan, không thể được. Nhưng mình cũng nên thử, chẳng kể nợ thì kể kia vậy.

Chú Hing thấy vợ quả quyết, rất cảm động, bèn an ủi:

- Tôi làm cho mình nhọc nhàn. Mình không được an nhàn, tôi rất buồn.

Thím Hing âu yếm nhìn chồng. Bỗng trông vào gương, thím thấy thím gầy và đen đi. Thím đâm lo.

Ít lâu nay, thím biếng phấn sáp. Bộ cánh tân thời, thím gặp cát hòm, vì phải lo toan nhiều việc sinh nhai quá.

Chiều hôm ấy, thím bèn chải chuốt, làm lại cái mặt cho chồng yêu, và từ đó, thím không quên rằng thím vẫn phải là cái hoa cho chồng ngắm nữa.

Nhưng chẳng bao lâu, đôi vợ chồng ấy phải tạm ly biệt nhau. Thím Hing lên Lao Kay, định phen này kiếm một chuyến cuối cùng thì đổi nghề khác cho đỡ nguy hiểm.

Lần này thì thật vất vả. Thím Hing đã phải chui rúc, trốn tránh vào rừng rậm, đi mỗi rời chân, xách rã cánh tay để lánh xa con mắt nhà chức trách.

Nhưng càng nhọc nhằn bao nhiêu, thím càng vui sướng bấy nhiêu. Thím tự cho mình là đảm đang, là bạo dạn. Trong rừng xanh, núi xám, thiếu gì thú dữ, rắn độc, thiếu gì quân gian, phỉ lẫn lút, tìm kiếm đó đây để giết người cướp của.

Thế mà thím về được Hải Phòng bình yên như thường.

Thôi thì tha hồ chú Hing chiều chuộng, yêu quý. Lại được thấy vợ mạnh khỏe đem của về, chú sung sướng, “tìu” mãi số phận.

Thím Hing giấu sự mệt nhọc, vẫn vui tươi cho chồng đỡ ái ngại về mình. Thím bảo:

- Lối này còn có thể đi được vài lượt nữa.

Rồi thím tả sự ghê sợ trong những đêm mù mịt không trăng. Thím phải ngủ gục ở dưới góc cây mà chờ sáng. Thím kể nỗi kinh khủng khi nghe tiếng sột soạt trong bụi

rậm ở mỗi quăng rừng dữ có tiếng; thím trợn mắt nói:

- Ấy thế là tôi cứ liều mạng đấy.

Những câu chuyện mà tôi nghe thấy người Mán đi kiếm củi họ kể cho tôi, mới ghê làm sao:

- Thế nào?

- Cái người Mán tôi thuê xách hộ va ly một quăng nói ở gần rừng Voi Phục vẫn có một bọn cướp đường. Chúng nó vớ được ai, thì bóc lột cho kỳ hết.

Thím Hing nói đoạn, rùng cả mình. Chú Hing cũng rùng mình theo, ngậm ngùi, ngó nghê nói:

- Tôi thương mình lắm!

- Nhưng nghề làm ăn phải thế, biết tính sao? Tôi mà bị chúng nó bắt cóc, thì thật mình hết nước mắt.

Bỗng hai dòng lệ long lanh tong tong chảy xuống má chú Hing.

Thấy chồng thực bụng thương mình, thím Hing sung sướng. Hôm sau, thím bảo chú để thím về quê có việc, rồi thẳng đường lên Lao Kay một chuyến nữa. Chú Hing can mãi, nói:

- Mình đừng đi Lao Kay vội, hãy nghỉ cho lại người đã.

Song thím khăng khăng nhất định đi. Thím về thăm mẹ và tậu hai mẫu ruộng.

Ở nhà vài hôm, thím lại đi, nhưng định đi mang thuốc về thì bán ngay ở Hà Nội, rồi được bao nhiêu tiền, thím lấy cả, đem về tậu thêm ít ruộng nữa, và nói dối chồng rằng

đã bị bắt và quăng va li lại, cốt tháo lấy thân. Thím cần lấy công bằng một chuyến hàng cho bỏ những lúc ngày đêm trống ngực.

Sau khi đã giậm bán cho một vài nhà và hẹn ngày có thuốc, thím Hing bèn ngược lên Lao Kay. Rồi cũng như lần trước, thím lại dùng lối cũ, lẩn lút vào những nơi vắng vẻ.

Rồi một buổi chiều...

Buổi chiều ấy, trời thì nóng, đường thì gồ ghề khó đi, thím Hing mỗi chân, đặt va li xuống, và ngồi nghỉ trên một hòn đá nhẵn. Vợ vẫn, thím hồi tưởng đến cuộc đời thím từ tám bé, lúc sung sướng, lúc long đong, thím nhìn hai bàn chân đỏ lên và đau mà thở dài.

Song thím mừng thầm, còn một quãng đường nữa, thím sẽ tới một làng, thím có thể vào nghỉ trọ nhà người mà thím gặp lần trước.

Thím mở va li lấy chiếc bánh tây ăn cho đỡ lòng.

Nhưng, than ôi, số phận! Khi ăn xong, thím Hing vừa toan bước chân đi, thì thỉnh linh có người chạy đến ôm chặt lấy, rồi một người nữa nhét giẻ vào mồm, trói chặt chân tay... Đoạn, hai người khênh thím đi.

Thím cựa cạy, vùng vằng, nhưng sức đàn bà, chịu sao nổi.

VIII

Món tái bò

Thím Hing bị nhốt vào trong một căn buồng hẹp, cửa đóng kín mít. Tuy không thể cử động được, song quay đầu lại nhìn hai bên, thím thấy thím nằm trên giường, mà cả trong buồng, chỉ có một cái giường này mà thôi. Thím đoán biết cả cách hành động của bọn cướp. Thím tiếc của, thím tủi thân. Song, biết làm thế nào? Thím đã lọt vào tay bọn cường đạo, dễ mà lọt ra được hay sao? Thím cố oằn oài, để mong thường trời tình cờ tuột mối. Nhưng càng cựa cạy bao nhiêu, thím càng bị dây sắt vào da thịt làm đau rát, không chịu được. Có lẽ thím đành đem thân để bọn cướp làm nhục nhã chăng? Thím cầu Trời khẩn Phật cho chúng chỉ lấy của rồi tha người thím ra, cho thím lại được trong treo mà về ở với chồng.

Bỗng ở nhà ngoài, có tiếng người xô xao. Lắng tai nghe, thím biết rằng bọn cướp sắp uống rượu, để mừng buổi làm ăn may mắn. Nghe và nhận từng giọng nói, thím có thể phân biệt được những tiếng gọn ghê, vui vẻ hớn hở là của thằng tướng, còn những tiếng lẽ nhẹ, những tiếng khô nặc, những tiếng láu táu, là của bọn quân.

Thằng tướng hỏi:

- Nào anh em! Cơm rượu đã xong, ta cùng nhau đánh chén để mừng tôi hôm nay được món tái bò mà bấy lâu tôi khao khát.

Thím Hing không hiểu món tái bò nghĩa là gì, thì tiếng cười ở ngoài râm rộ nổi lên, và tiếng nói ô ạt.

- Rồi anh cho cả bọn anh em cùng hưởng chứ?

Lại một nhịp cười ran, vui vẻ như pháo ngày Tết. Thím Hing lo, trống ngực thành thành. Thằng tướng hỏi:

- Thằng nào nhiều công nhất?

- Tôi!

- Tôi!

- Tôi!

Họ thi nhau đáp và tranh nhau nhận công. Một lúc, thằng tướng nói:

- Được, rồi đâu sẽ có đó.

Thím Hing chỉ mong cho chúng nó cãi nhau, rồi giết nhau, để thím nhân dịp mà thoát thân. Nhưng sự mong mỏi rất hão huyền. Chúng như có ý phục và sợ thằng tướng lắm.

- Thôi, ta hãy biết đánh chén cho say. Mấy lúc trời cho chúng ta được món vừa của vừa người. Ta phải vui mừng mới được.

- Nào, anh em cất chén chúc đám cưới của anh Chúa Cụt đi thôi.

Dứt lời, bọn họ cầm đũa, ăn uống và nói đùa nhau, cười vang.

Thím Hing nhớ kỹ tên Chúa Cụt. Biết được tên chủ đảng cướp và sào huyệt của họ, thím mới có thể liệu báo các nhà chức trách để lừa bắt bọn bất nhân sau này.

- Tôi mừng anh chị chén này nhé!

- Đây vào.

Thím Hing vừa rùng mình, vừa ghê tởm. Thím rưng rưng muốn khóc, nhưng vì quá sợ mà nước mắt không ra được. Nghĩ đến những tiếng đám cưới, tiếng anh chị, thím Hing bỗng thương chồng, người chồng vừa hiền lành, vừa thực thà, vừa yêu vợ. Hắn là chú không ngờ đâu hiện vợ đương bị tai nạn, sắp phải đem thân làm mồi cho một lũ khốn nạn. Mà rồi khi biết nông nổi này, chú sẽ bị đau khổ ngần nào.

Một lát, muốn chừng ngà ngà say, Chúa Cụt nói:

- Trong anh em ta, tôi khen nhất anh Năm. Anh là người can đảm ít ai sánh kịp.

Người khác ngắt lời:

- Tôi đây đã can án tám lần, mà trong tám lần thì ba lần vượt ngục. Thế là tôi hèn nhất hay sao.

- Không, anh Năm hơn bọn ta nhiều. Anh chưa hề can án lần nào. Thế mới giỏi. Ăn cướp mà không bị ngồi tù mới tài, chứ mỗi bận làm ăn, lại phiền nhà pha nuôi báo cô hàng vài năm, thì xoàng quá.

- Tôi chưa bị lần nào – chắc là lời anh Năm – là do tôi liều. Đối với tôi, một là sống tự do, hai là chết, chứ nếu chịu ngồi tù thì các anh xem, mình mày và đầu mặt tôi

làm gì được từng này chiếc mề đay.

Nói đoạn, cả bọn cười râm, rồi anh nào anh nấy khoe những vết thương can đảm.

Chúa Cụt nói:

- Nếu vết sẹo mà các anh cho là mề đay, thì có lẽ tôi là người tồi nhất, vì tôi chưa được một thương tích nào.

- Anh nghĩ thế không đúng. Trong anh em ta, chỉ anh là sướng hơn cả. Nếu tôi như anh, có lẽ tôi phải bỏ xác mấy lần rồi, còn nói chi đến việc bị thương nữa. Anh được đời chiều chuộng ngay từ thuở lọt lòng. Không trách anh lấy tên là Chúa, thật đúng.

- Ô! Danh giá gì cái tên người đời đùa cho tôi. Ở trong Hỏa Lò ngày trước, anh em thấy tôi chịu ăn, chịu ngủ và hay khóc, nên chế tôi là Chúa đấy chứ.

- Thế tại sao lại là Chúa Cụt?

- Tôi bé nhất bọn giam hồi ấy, ngáy thơ như đứa trẻ lên ba...

- Năm bị bắt lần đầu, anh bao nhiêu tuổi?

- Mười ba. Mà nghĩ lại cái có phải bắt và phải tù, đến bây giờ tôi còn tức. Thực là vô lý quá. Tôi bị khép án cướp giật, mà việc ấy tôi không làm.

- Thì cũng không oan. Anh có thực lương thiện đâu.

Những tiếng cười đắc chí nổi lên.

- Mình vẫn biết là không oan, nhưng những lần ăn cắp hẳn hoi thì lại không việc gì mới tức chứ.

- Thế tự nhiên anh phải bắt à?

- Phải. Nhưng sau tôi đoán rằng có lẽ thầy học tôi đi báo nên tôi bị bắt, để phải trải nhiều nỗi khổ nhục, cho tôi bớt viển vông.

- Thế thì sự từng trải ấy đã dạy anh nhiều điều hay.

- Cố nhiên. Từ đó, tôi rất sợ nhà Hỏa Lò. Tôi hết sức tránh xa nó. Nhiều đứa cứ xui tôi nên luôn luôn vào đó mà làm con nuôi, được ăn mà không phải khó nhọc, nhưng tôi chẳng ước ao thế, vì mình có lưỡi đốn như họ đâu.

- Phải, nên kiếm một nghề để nuôi thân, chứ ai lại ăn bám như thế, không coi được.

Họ lại cười như nắc nẻ. Rồi một người nói:

- Tôi chưa được vào Hỏa Lò. Tôi chỉ phải ở đề lao các tỉnh nhỏ. Buồn lắm.

Chúa Cụt nói:

- Ở Hà Nội, cái gì chẳng hơn mọi nơi. Trong Hỏa Lò, mình gặp nhiều anh em nên cũng thấy thú, như ở nhà. Nhất là tôi không có gia đình, nên thấy ở đây thích lắm vì anh em có tình thân mật.

- Phải, người ta bán anh em xa mua láng giềng gần. Mà chẳng có anh em, thì bạn bè cũng có thể coi như anh em ruột thịt.

- Tôi sở dĩ được như ngày nay, là do tôi xuất thân ở Hỏa Lò.

Chúa Cụt nói, đoạn cười khanh khách, rồi tiếp:

Trước kia, mình tưởng suốt đời chỉ là thằng ăn cắp nhãi nhép, chứ dám đâu làm to như ngày nay. Tôi tiếc vì ít chữ, vì tôi không được học, chứ nếu...

- Học chữ làm gì?

- Nếu chữ nghĩa mình kha khá một chút, thì mình làm ăn dung dị hơn. Thành ra thế này, mình chỉ lấy sự thực để làm việc, cho nên một vài khi, tôi thấy không đủ sức mạnh.

- Chà! Anh nói ra giọng say rượu rồi. Có học đi làm ông nọ ông kia mà kiếm ăn, chứ tội gì làm nghề mạt, vừa vất vả vừa nguy hiểm.

- Thì ý tôi nói thế đấy, ở đời cứ gì bọn ta mới là ăn cướp.

Chúa Cụt đắc chí cười ha hả, rồi hò rót thêm rượu. Thím Hing nghe rất chán tai. Thím không rõ vào khoảng mấy giờ. Thím chỉ nhận thấy trăng đã mọc. Ánh sáng đã lọt qua khe liếp, dần dần đặt vào mặt thím. Thỉnh thoảng thím mệt, thím cựa cựa.

IX**Một vài tin tức**

Sáng hôm sau, một tên tướng cướp đưa thím Hing ra khỏi cánh rừng rậm. Gần đến đường quang, tên cướp nói:

- Rồi nhà chị đi một mình, cứ theo lối này, quặt sang tay phải thì tới đường Nhà nước. Nhà chị phải biết rằng chúng tôi ăn ở có thủy chung. Nếu nhà chị vào tay bọn khác, thì nhà chị không bao giờ được về chỗ quê cha đất tổ nữa. Đành là nhà chị phải đem xương thịt làm mồi cho thú dữ ở rừng này. Chúng tôi tha và cho tiền tàu chị về, một là để tỏ rằng chúng tôi nhân từ, hai là để cho chị biết chúng tôi, vì chúng tôi không sợ gì cả.

Thím Hing không nói không rằng, một mạch đi rất mau. Hai bàn chân rât như bị bỏng. Tên cướp lại tiếp:

- Thật đấy, nếu chúng tôi sợ tù tội, chúng tôi đã chẳng dám tha chị ra. Chúng tôi đoán thừa rằng chỉ nội nhật ngày mai, chị đi báo quan, mà từ chiều trở đi, người ta sẽ lùng bắt chúng tôi... Thôi, chào nhà chị nhé. Từ sau, nhà chị chớ đại dột mà qua cánh rừng này nữa nhé!

Thím Hing cun cút cảm đầu đi, trống ngực thình thình, không dám quay đầu lại...

Đi được vài trăm thước, thím Hing mới yên lòng. Thím quay trở lại không thấy kẻ thù đâu nữa, mới dám ngồi nghỉ ở gốc cây. Thím nghỉ ngơi hồi lâu, rồi lấy vạt áo lau mắt. Thím đã được tên cướp mách cho tên ông quan, nếu ông quan này quả là người quen, thì thím quyết nhờ ông ra tay triệt bọn bất nhân, cho người khác khỏi phải vạ như thím. Nhớ lại cái nhục nhã đêm hôm trước, thím rất căm hờn. Thím thương chồng, giận thân và tử phạm. Một lúc lâu, thím Hing đứng dậy, đi một mạch nữa thì tới ga. May lúc ấy xe lửa chưa tới, thím bèn lấy vé xuống ga tỉnh.

Đến nơi, thím vào nghỉ ở hàng cơm, trước dinh quan BỐ, và hỏi người chủ nhà:

- Bà làm ơn cho tôi biết quan BỐ ngài tên là gì?
- Bà muốn vào hầu ngài à? Ngài tên là ...Đ.V.T.

Thím Hing mừng rỡ, hỏi:

- Năm nay ngài trạc bao nhiêu tuổi?
- Tôi không biết, vì tôi có rõ mặt ngài đâu. Thỉnh thoảng ngài ra phố, thì ngài ngồi trong ô tô hòm, chạy vun vút. Tôi chỉ thoáng thấy ngài beo béo và không để râu.

Thím Hing cau mặt nghỉ ngơi một lát, rồi lại hỏi:

- Ngài có đông con cháu không?
- Không rõ, nhưng tôi nghe nói cậu cả học ở bên Tây, đâu sắp về.

Thím Hing cố nén sự động tâm:

- Bây giờ hẳn ngài có nhà đấy nhỉ?

- Không, ngài làm việc trong tòa án, đến gần mười hai giờ mới về.

- Tôi cứ ngồi chờ đây, thì chắc gặp ngài.

- Không, ngài hay đi lối cổng sau, đường gần hơn.

Được biết ngân ấy điều, thím Hing hớn hở, nhìn lên chiếc đồng hồ quả lắc treo trên tường, rồi trả tiền nước và đứng dậy. Thím quành hai phở, hỏi thăm đến cổng hậu dinh quan Bố, thì chờ ở đó. Thím qua lại, đưa mắt nhìn trong hai cánh cửa mở toang, thỉnh thoảng thấy người nhà chạy tấp nập và chốc chốc có những giọng the thé quát mắng. Chắc đó là vợ ông Bố. Thím thở dài, thờ thẩn và tò mò, thím dừng lại thử cố chờ để xem mặt quan bà. Nhưng thím chỉ được nghe những giọng ì ạch mà thôi:

- Mặc kệ mày! Tao chỉ cho mày hào rưỡi thôi, mày đem ra quăng vào mặt nó và bảo nó rằng trong này mua, phải tính giá nội.

Tự nhiên thím Hing thấy khinh bỉ và tức bực. Bỗng một người ra dáng vội vã, đi từ trong sân ra. Thím Hing gọi lại, hỏi:

- Này anh, tôi nhờ việc này.

Người kia cau mặt, gắt:

- Không nhờ gì cả. Đang bực cả mình đây.

Nói đoạn, người ấy cắm cổ đi. Thím Hing nhìn theo, thím hiểu cả cách mua bán của nhà quan, nên thím không tiện làm cho người ta vừa phải mắng, lại khó chịu thêm về thím.

Một lát, người ấy về, thím đứng đón ở cổng, nói:

- Anh bếp, làm ơn cho tôi hỏi một tí việc.

Tên người nhà bīu môi bīu mỏ, giơ tay nói:

- Bà tính thế có bực mình không? Muốn ăn thứ ngon, lại không chịu mất tiền, thành thử tôi phải bù mất ba xu. Ấy thế lại còn ngờ tôi ăn bớt đấy.

Thím Hing gạt gù lấy lòng, nói:

- Bà lớn nghiệt lắm nhỉ!

Anh bếp trợn mắt, thì thào:

- Còn phải nói! Bà lớn mà như trẻ con thôi, hết năm nay, tôi cũng lậy cả nón.

- Quan lớn bao giờ về, anh?

Tên người nhà nghiêm nghị quay lại, hỏi:

- Bà hỏi có việc gì? Bà ở đâu?

- Tôi muốn hầu chuyện quan lớn một lát.

Tên người nhà nhìn thím Hing từ đầu đến chân, lại hỏi:

- Bà hầu chuyện việc công hay việc tư?

- Việc tư.

Đổi ra nét mặt dịu dàng, tên người nhà lễ phép, đáp:

- Thưa bà, thế thì mời bà vào, có bà lớn con ở nhà.

Thím Hing cười, nói:

- Tôi chưa biết mặt bà lớn. Tôi phải chờ quan lớn về.

- Bà ở đâu à?

- Tôi ở Hải Phòng.

- Để tôi vào bắm với bà lớn. Mời bà cứ vào, bà lớn tôi rất dễ dãi.

- Không, tôi cần gặp quan lớn kia.

Tên người nhà ngân ngữ một lát, rồi nói:

- Thế thì không may cho bà. Quan lớn tôi tan hầu ở tòa ra, thì lại đăng quan Phán Vinh ăn cơm, rồi đi thẳng Hà Nội, ngày kia mới về sớm.

Thím Hing thất vọng, hỏi:

- Hiện bây giờ, chắc ngài còn ở trong tòa.

Tên người nhà lắc đầu:

- Bây giờ thì quan tôi đến nhà quan Phán rồi.

- Nhà quan Phán ở đâu?

- Bà lại đăng ấy không tiện, vì hôm nay đông quan khách. Mời bà cứ vào trong nhà cũng được.

Thím Hing ngân ngữ, rồi vẫn vợ, nói:

- Tôi cảm ơn anh, tôi có nhà quen ở ngoài phố, tôi chờ quan lớn về, rồi vào hầu cũng được.

Tên người nhà chào thím Hing, vừa đi vài bước, đã bị gọi giật lại:

- Này anh bếp, anh nói thực nhé, bà lớn ác nghiệt lắm à?

Tên bếp nhìn thím Hing như có ý nghi ngờ điều chi, rồi đáp:

- Thưa, không ạ.

Thím Hing cười, nói:

- Anh đừng sợ tôi, tôi không quen bà Bố đâu. À, cậu cả

đi Tây học, tháng nào thì về nhỉ?

Tên bếp càng ngạc nhiên, đáp:

- Cậu con mới đỗ, đã xuống tàu được hơn tuần lễ.

Thím Hing mừng rỡ, nhưng cau mặt, vờ hỏi:

- Bà lớn có yêu cậu cả không?

Tên bếp cười:

- Bẩm, bà lớn con chiều cậu con lắm. Chẳng thế, cậu con xin gì, bà con cũng giấu quan con mà cho.

- Anh có biết mặt cậu cả không?

- Có.

- Cậu cả giống quan lớn hay bà lớn?

- Giống bà lớn như lột.

Thím Hing biến sắc mặt, ngạc nhiên tự thốt lên hai tiếng: “Quái nhỉ!”. Rồi thím thở dài rất mạnh, bâng khuâng như người lạc đường. Thím toan hỏi vài câu nữa, song anh bếp đã chạy vào lúc nào mất rồi.

Thím Hing bối rối, thẫn thờ. Quả là thím bị loạn trí. Thím bước chân đi mà không định trước đi đâu.

Loanh quanh được vài phố, thím Hing bỗng thấy một hiệu sách, thím xực nghĩ ra, mới vào mua giấy, và ngồi một chỗ riêng ở đó để viết một bức thư gửi cho ông Bố Đ.V.T

Thư quan lớn,

Tên tôi là Trần Thị Hương, mà hai mươi năm về trước, người ta vẫn gọi là Hương Con.

Hắn quan lớn nhớ ra tôi rồi.

Thế thì bây giờ, tôi xin nhờ quan lớn nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ mà tất lục xét cho tôi một việc:

Nguyên từ ngày mẹ tôi chết, nhà cửa tôi sa sút, tôi mới phải lấy một người Khách tên là Sương Híng, làm tài công ở Hải Phòng. Ngót mười năm nay, tôi an phận với chồng tôi, nhưng chẳng may mới đây, chồng tôi mất việc làm, nên tôi phải nay đây mai đó, buôn bán ngược xuôi để kiếm ăn.

Ngày hôm kia khi qua quăng rừng Voi Phục, tôi bị một bọn cướp đồ ra bắt trói. Chúng lấy hết hàng hóa, và giữ tôi lại một đêm, làm tôi đê nhục, đến sáng hôm nay mới thả cho về, mà trước khi cho tôi được tự do, chúng còn dám ngạo mạn mà thách cả tôi đi trình báo quan lớn.

May cho tôi được gặp quan lớn cai trị ở hạt này, vậy tôi nhờ tay quan lớn tróc nã và trị bọn chúng nó. Chúng nó lẩn lút ở cánh rừng Voi Phục cả thấy sáu đứa. Thành đầu đảng tên là Chúa Cụt. Nếu quan lớn có cần đến tôi, tôi xin thân hành đi hướng dẫn.

Xin quan lớn hết lòng cho tôi việc này, và xin quan lớn tha lỗi cho tôi dám viết giấy này đến quan lớn.

Tôi đã chờ để được hầu quan lớn, song tôi hỏi thăm, thấy nói quan lớn đi dự tiệc và xuôi ngay Hà Nội. Vì vậy không thể chờ lâu, tôi đánh bạo viết thư này, tuy nó không phải là đơn, song tôi biết rằng quan lớn bao giờ cũng nhân từ, quảng đại, và sẵn lòng tha thứ cho tôi.

Sau hết, tôi xin chúc quan lớn thăng quan tiến chức,

bà làm mạnh giỏi, và mừng cậu cả du học thành tài. Tôi, mong cho cậu gì đó cũng trông gương cậu cả, học hành chăm chỉ.

Nay kính thư

TRẦN THI HƯƠNG

tức HƯƠNG CON

Viết xong, thím Hing đọc đi đọc lại nhiều lần, rồi ngồi thư người, có vẻ âm thầm giận dữ. Thím mua phong bì tem, để cho ông Đ.V.T. và bỏ thư vào trong, dán lại.

Thím hỏi thăm đường ra nhà Bưu điện, đứng trước thùng thư, đắn đo một lát, rồi tặc lưỡi, thím lăm bắm:

- Nếu thư này không có kết quả, thì con người ấy thật là bạc.

Đoạn, thím lách chiếc phong bì vào miệng thùng thư, bỏ rơi tọt vào trong, rồi hớn hỡ thuê xe ra ga, đợi chuyến xuôi về Hà Nội.

X**Trong phòng dự thẩm**

Chiếc xe nhà sơn quang dầu đỗ ở thêm tòa án, ông Bố Đ.V.T thong thả bước xuống đất, theo dọc hiên nhà, đi thẳng tới phòng dự thẩm là nơi ông làm việc.

Theo lệ thường, đến giờ ấy, người thư ký riêng của ông đã đợi sẵn. Ông cởi cái áo sa, vắt lên mắc, rồi ngồi vào bàn, hỏi:

- Thế nào, có gì không?

Câu ấy xưa nay ông vẫn dùng quen để hỏi xem các báo mới nhận được, mà người thư ký phải đọc xem có đăng gì dính dáng đến công việc trong tòa án hay không. Người thư ký như cái máy, đáp:

- Bẩm không.

Đoạn, người ấy lấy kéo cắt mép ba lá thư và để trên bàn, trước mặt ông. Ông Bố nhìn qua nét chữ ở các phong bì để xem cái nào nên đọc trước, thì ông mở ngay thư của con ông ở bên Pháp gửi về. Ông đưa mắt qua loa mấy dòng đầu, rồi nói một mình:

- Người đã di gần đến nhà rồi thư mới tới. Đây là cậu bỏ vào thùng Bưu điện trước khi xuống tàu.

Người thư ký đáp:

- Dạ.

Chắc trong thư không có việc gì quan hệ, ông Bố đọc xong, rồi đưa người thư ký:

Bỏ vào cặp, chốc nữa trình bà lớn.

Đoạn, ông mở đến bức thư của bạn ông ở Hà Nội. Vừa xem, ông vừa cười, vừa nói:

- Chó chết. Như thế mà không mua, có phải thiệt không.

Rồi ông nhìn người thư ký. Người này tuy không hiểu, nhưng cũng tùm tùm, đáp:

- Dạ.

- Thế là mất không ngót trăm hai bạc đấy nhỉ?

- Dạ.

- Xé đi.

Ông đưa tờ giấy đã vò nát cho người thư ký và cầm bức thư thứ ba. Nhìn chữ đề bì, ông chán nản, vì biết rằng thư này là của một người lạ. Chắc là một tên dân nào muốn khiếu nại điều chi, làm ông phải bận bịu thêm công việc. Ông khó chịu. Song, ông cũng phải đọc. Bỗng ông biến sắc mặt, liếc mắt đưa lên nhìn người thư ký, và bảo:

- Hãy cho ra.

Người thư ký chỉ chực đó để sẵn sàng đáp bằng những tiếng dạ, mỗi khi thấy ông đọc thư và chêm vào những câu không tài nào hiểu được. Lần này thì ông không nói gì cả. Hai nét răn trên trán ông nổi rõ lên; rồi gập thư bỏ vào túi, ông vát chân chữ ngũ, ngồi thừ người, một tay chống vào

cầm, một tay gõ cả năm đầu ngón vào thành bàn để đánh nhịp. Đó là một thói quen, khi ông có điều gì phải nghĩ ngợi quá mà đâm lo.

Nhưng hai mắt ông vẫn lóng lánh.

Một lát, độ năm phút, hai nét răn trên trán mờ dần, ông bắt đầu rung đùi, và há méo mồm để gãi chỗ cảm ngứa nay chưa cạo kỹ. Lúc ấy là sự lo âu gần tiêu tán hết.

Bỗng chiếc ghế gỗ lúi giật lại sau, rít mạnh bốn chân xuống gạch, nghe giật mình, ông Bó đứng phắt dậy, ra mở toang hai cánh cửa chớp, rồi lại ngồi trên ghế. Ông móc túi, lấy tờ giấy ban nãy để đọc lại, và trong khi ấy, tay ông tần mẩn nâng gáy khăn dần dần lên gần đến đỉnh đầu, rồi cứ để nguyên thế; mỗi khi nghĩ xong việc gì, ông thường thấy đau nhói nhói ở thái dương. Đoạn, ông gọi:

- Sinh!

Người thư ký vội vã chạy vào. Ông hỏi:

- Hôm kia, ở nhà có khách nào đến không?

Sinh ngơ ngác nghĩ, ông Bó nói:

- Người đàn bà lạ ở Hải Phòng?

- Bẩm không.

Ông Bó trầm ngâm và hát hàm:

- Ra hỏi thàng xe.

- Bẩm, anh ấy về rồi.

- Được, không hề gì.

Rồi ông nói một mình:

- Bọn chúng nó hoành hành dữ quá. Mà không biết lúc

mình bắt được, mình có ăn thua gì không, hay lại công toi!

Người thư ký đáp:

- Dạ.

- Sinh! Biên vào sổ tay cho tôi: Khoản thứ hai, - Chúa Cụt, rừng Voi Phục, nghe chưa.

Rồi ông Bố lại lẩm bẩm:

- Làm việc mà không ai biết, hoặc mà người ta không nhớ cho, thì làm làm gì.

Nói xong, xé nhỏ bức thư, vứt vào sọt giấy, vui vẻ xoa hai bàn tay, rồi mở tập hồ sơ để trên bàn, vừa ngáp vừa xem lại bản khẩu cung lấy dở từ hôm trước. Bỗng có tiếng gõ cửa, ông Chánh án vào.

Hai ông quan lớn bắt tay nhau, ông Án nói:

- Tôi thấy bên tòa nói chuyện chiều hôm qua đầu Cụt sắp phái Quan lớn đi bắt bọn cướp trong Voi Phục, Quan lớn đã biết tin ấy chưa?

Ông Bố sững sốt, ngạc nhiên đáp:

- Chưa.

- Vì có một bức thư của con mụ Khách bị hiệp người lấy của đưa đến tòa, nên Cụt bảo nhất định trừ tiết quân gian ấy.

Ông Bố nhăn mặt, vuốt cả ngực lẫn bụng:

- Tôi độ này thấy trong mình yếu lắm thì tuân thế nào được lệnh ngài. Có lẽ tôi phải xin phép đi Hà Nội, nhờ đốc tờ xem bệnh gì mà kém ăn kém ngủ quá.

- Nhưng Cụ đã bảo, ta khó lòng cưỡng lời. Bọn cướp này bạo ngược, nếu không trừ ngay thì chúng còn ngày nào, tai hại cho dân ngày ấy. Tôi tưởng phi Quan lớn, không ai bắt nổi.

Ông Bó cười lại:

- Quan lớn dạy lẫn! Chắc Cụ cho tôi công việc nhàn hạ lắm nên phải đi, chứ Quan lớn tính, tôi có lúc nào rỗi đâu. Trên bàn, lúc nào giấy má cũng ùn lên, làm không xuể!

- Quan lớn không nên từ chối, để Cụ không bằng lòng. Cụ đã phó thác cho công việc nặng nề, khó khăn, ắt là Cụ đã suy xét, biết tài bất cướp của Quan lớn.

- Đành vậy, nhưng tôi muốn nghỉ ít lâu...Thôi, để nhường Quan lớn việc này nhé.

- Nhưng Quan lớn giúp tôi một kế nhé...

Ông Bó cười:

- Khó gì mà phải mưu với kẻ. Nếu muốn bắt bọn cướp ấy, chi bằng ta cứ thả mỹ nhân ra. Ở đời, việc gì mỹ nhân không làm nổi.

Ông Chánh án rất phục, vỗ đùi khen:

- Ừ nhỉ, đó là một cách rất thông dụng mà bao giờ cũng có kết quả, vậy mà lần này tôi không nghĩ ra. Và bọn cướp chỉ lấy của hiệp người, chi bằng ta cũng thả người thả của cho chúng nó vào cạm.

- Phải, mà mình cũng chẳng cần bước chân tới sào huyệt chúng. Ta phải đưa đi thám thính, biết bọn chúng

nó ngán ấy người và khí giới những gì, thế là cứ thả đàn bà và giữ chặt chúng nó vào một nơi; khi ấy ta vào bắt, quyết là không khó nữa.

- Vâng, nhưng nếu dễ thì mấy lần trước chúng nó cũng chẳng thoát. Thấy chúng nó sống dai được đến ngày nay, trốn tránh được bao nhiêu lần bắt bớ, thì mình cũng nên cẩn thận lắm mới được.

Ông Bố lắc đầu:

- Mình nên lấy sự can đảm làm đầu. Mình đừng sợ nó. Bao giờ gian cũng phải sợ ngay. Lúc nào mình cũng phải in sâu vào óc rằng mình thay mặt pháp luật, đi làm ích cho người lương thiện, và mất lưới pháp luật rất nhỏ, kẻ gian phi không chui lọt ra ngoài được.

Ông Chánh án cười, nói đùa:

- Vâng, quả thế. đến ngay người lương thiện mắc phải lưới pháp luật cũng khó lòng ra được luống chi kẻ gian!

Hai ông quan đặc chí, cười ha hả.

Rồi tự nhiên, ông Chánh sực nghĩ ra một điều, hỏi:

- À, Quan lớn có quen con mẹ Khách ấy không?

Ông Bố ngạc nhiên, hỏi:

- Con mẹ nào?

- Con mẹ bị mất cướp, nó làm giấy trình Cụ ấy.

- Không.

- Quái, ở bên tòa họ nói rằng trong đơn nói có quen biết Quan lớn, và xin Cụ cho Quan lớn đi truy nã bọn gian.

Ông Bó cúi mặt, hai tay gãi trán để che mắt một lát, đáp:

- Cái lối ấy, dân họ hay làm lắm. Chúng nó tưởng quen ông quan ấy, ông quan nọ, thì là người có thế lực, quan trên sẽ nể và tất lực cho. Chứ có biết đâu rằng...

- Phải, mình tất lực là vì mình làm việc cho mình, chứ ai làm đây tớ chúng nó.

Bỗng tên loong toong vào đưa cho ông Bó bức thư. Ông Bó xem xong, mỉm cười, nhìn ông Chánh án, nói:

- Cụ gọi tôi về việc ấy, tôi phải vào hầu để Cụ dặn dò.

- Nhưng Quan lớn cố từ chối nhé.

- Tôi xin hết sức từ chối để dành việc cho Quan lớn.

Nói đoạn, ông Bó nhanh nhẩu vớ cái áo sa, vừa đi vừa gài khuy. Ông Chánh án nhìn theo, chan chứa hy vọng.

Độ một giờ sau, ông Bó về, vào buồng giấy ông Chánh án, lắc đầu, buồn bã nói:

- Nhất định Cụ không nghe cho tôi ở nhà. Tôi nói mấy hôm nay tôi sốt, mà Cụ cũng mặc kệ. Cụ cho tôi một hộp thuốc bổ, bắt tôi tiêm ngay, rồi chóng mà đi. Cụ bảo việc bổn phận, phải lấy lương tâm mà làm, không được viện cớ gì mà từ chối.

- Quan lớn không đả động gì đến tôi?

- Có, nhưng cụ bảo Quan lớn nhiều việc quá rồi, không muốn bắt Quan lớn phải bận rộn thêm nữa.

Nói đoạn, ông Bố sang phòng dự thắm cho người thư ký về trước và dặn:

- Nếu ở nhà có người đàn bà nào lạ mặt thì phải đến bám với ta ngay.

Rồi ông đóng cửa buồng giấy, cởi áo, nhấc khăn ra, rồi khoanh hai tay trước ngực, yên lặng như bức tượng.

XI

Dự thẩm

Trong phòng án, ông Bố nghiêm trang ngồi làm việc. Người thư ký riêng sắp sẵn giấy bút để biên khẩu cung tên Chúa Cụt, đã bị sa vào lưới pháp luật.

Vụ bắt bớ quan trọng này làm sôi nổi cả dư luận. Các báo đăng tin ấy, không tờ nào không in ra hàng cột, kể những tội ác của tên đại bộm, và khen tài ông Bố chánh Đ.V.T.

Cửa phòng dự thẩm mở rộng. Hai người lính giải Chúa Cụt bị xích tay vào. Ông Bố đưa mắt nhìn tên tướng cướp, rồi cười một cách mỉa mai.

- Bây giờ hử mày hối hận lắm?

Chúa Cụt vẫn thản nhiên, nét mặt cương quyết, ngẩng đầu ngăm khắp phòng, không đáp.

Hai tên lính đứng hai bên cửa, thấy Chúa Cụt có vẻ xác láo thì nổi cơn giận, định chạy lại toan giờ tay tát, song ông Bố xua tay, bảo:

- Cho các anh ra ngoài.

Đoạn, ông nhìn chòng chọc vào mặt Chúa Cụt. Hai mắt ông quắc lên, tưởng chừng như cố lấy hết uy vệ để thu hết can đảm của tên cướp.

Một lát, ông hỏi:

- Tên mày là gì?
- Bẩm, tên con là Chúa Cụt.

Ông Bó nghiêm mặt:

- Tên thật kia.
- Bẩm, là Sửu.
- Họ gì?
- Nguyễn Văn Sửu.
- Bao nhiêu tuổi?
- Hai mươi mốt.
- Nơi sinh?

Chúa Cụt ngậy mặt, không đáp. Người thư ký dừng bút, ngẩng đầu hỏi:

- Đẻ ở đâu?
- Tôi không biết.

Cau đôi lông mày, người thư ký đồng dục nói:

- Khai cho thật, cụ lớn sẽ thương tình mà giảm tội cho.
- Bẩm thật, tôi không biết.

Ông Bó hỏi:

- Tên cha, tên mẹ?

Chúa Cụt đáp:

- Bẩm, con không biết.

Ông Bố nhìn người thư ký, bĩu môi, giơ hai cánh tay lên, tỏ ý thất vọng.

- Cái gì cũng không biết! Kệ nó, hơi đâu mà vắn mãi!

Người thư ký đáp bằng tiếng “ạ” mọi khi, rồi loay hoay biên. Ông Bố hỏi Chúa Cụt:

- Mà đã bị bắt, thế nào cũng phải khai thực, nghe chưa! Hễ còn chối không biết, thì mà sẽ biết.

Chúa Cụt mỉm cười, thản nhiên đáp:

- Bẩm, con chỉ đáp được những điều con biết.

- Mà đã can án mấy lần?

- Bẩm một.

- Tội gì?

- Con không biết.

Ông Bố nộ khí xung thiên, đập mảnh đá chặn giấy xuống bàn, ngầu ngầu đôi mắt nhìn Chúa Cụt, quát:

- Ăn cắp, ăn trộm, giết người, hay hội kín? Hay mà lương thiện như tao mà phải tù?

- Bẩm, con bị đổ oan là ăn cắp.

Ông Bố vẫn còn giận:

- Oan! Phải, oan! Mà can án năm nào?

- Năm con mười ba tuổi.

Ông Bố bĩu môi, ngấm nét mặt Chúa Cụt:

- Hết hạn tù ăn cắp, mà đi ăn cướp! Mà đã tụ họp nhiều người trong cánh rừng Voi Phục để lấy của, hiệp

người, phải không? Mà y là chủ bọn ấy. Không khai cho thực, thì hai mươi năm tù!

Chúa Cụt im, không đáp. Ông Bố hỏi:

- Đẳng mà y còn những đứa nào chưa phải bắt?

- Bẩm, chúng con có năm đứa, đều bị giải cả rồi.

Ông Bố nhắc thấy trong ngực Chúa Cụt có vết chàm vẽ, bèn bảo người thư ký:

- Cởi khuy áo nó ra.

Rồi ông lấy cái thước dài, đưa theo từng nét của cái mặt hổ phù chàm chàm trên làn da xám của tội nhân. Ông hất hàm, hỏi thêm để giải trí:

- Cánh tay mà y có gì không? Khiếp thực! Quân này mà không bị làm tội nặng, thì đời còn bị tai hại!

Người thư ký cởi tuột cái áo ra. Hai cành hoa đối nhau trở rất công phu trên bắp thịt mập mập. Đoạn, ông Bố đứng dậy, với nhìn chân Chúa Cụt. Người thư ký vội vén quần tên cướp lên. Nhưng lần này, ông Bố không hỏi và nói thêm câu gì, tự nhiên hai nét răn trên trán ông lờ mờ hiện ra. Mà hình như ông bối rối. Ông móc túi, lấy hộp thuốc lá ra, đánh diêm châm hút một điếu, rồi bỗng ông hỏi:

- Tại sao tên mà y là Chúa Cụt?

Chúa Cụt nhìn chân mình, đáp:

- Bẩm, tại chân con cụt mất một ngón.

Ông Bố dửng hăng, như để thở dài, hỏi:

- Vì sao mà y bị cụt? Ai chém mà y?

- Bẩm con không biết.

Người thư ký gắt:

- Cái gì cũng không biết!

- Tôi không biết thật, vì chân tôi nó như thế từ thuở bé.

Ông Bố lặng thinh, hút ba bốn hơi thuốc lá liền, rồi bảo người thư ký:

- Ra mở rộng cánh cửa.

Đoạn, ông mở rộng cổ áo sa, và đặt khăn xuống bàn, nhìn trước nhìn sau, có vẻ bứt rứt. Một lát, ông dịu dàng, nói:

- Tại sao mà phải đi ăn cướp? Sao không kiếm một nghề lương thiện mà làm ăn?

Chúa Cụt mỉm cười:

- Bẩm, tại con đói, đói với con, nghề nào nuôi được thân là lương thiện với con cả.

Người thư ký chấm mực, ông Bố giữ tay ngăn:

- Khoan, đừng biên vội.

Rồi ông hỏi:

- Ai dạy mà làm những tội ác?

- Bẩm quan lớn, chẳng ai dạy con hết. Mà dễ thường chính con dạy con, vì nếu không ăn cướp, con sẽ chết đói.

Người thư ký cau mặt, tặc lưỡi vài cái, tỏ ý khó chịu, mắng:

- Ăn nói cho lễ phép.

Ông Bố tặc lưỡi:

- Mặc nó. Ta muốn biết sự thực thì để vậy cho nó nói.

Người thư ký lẩm bẩm:

- Lại còn giở văn chương!

Ông Bố nói:

- Mà ăn nói như người có học, biết suy nghĩ. Nhưng muốn sống một cách hân hoan, thì ở đời thiếu gì cách, sao mà lại chọn nghề ăn cướp?

- Bẩm, con cũng biết nghề này rất nguy hiểm, mà ở đời còn bao nhiêu cách kiếm ăn tử tế, song vì đời không cho con được ăn ở hiền lành, nên bất đắc dĩ con mới phải ăn cướp.

- Mà nói lạ!

- Bẩm thật, con đã đi ở mà người ta không nuôi, con làm gì người ta cũng không cho làm. Gia đình nào cũng hất hủi con. Vậy thì người đời chẳng tử tế với con, tất con, phải là kẻ thù của người đời, bắt buộc người đời phải cho con những thứ cần để sống.

Người thư ký lại tặc lưỡi. Ông Bố khoan thai nói:

- Thuở bé, mà có đi học không?

- Bẩm có, nhưng chẳng được mấy hột chữ. Con phải bỏ học, vì con bị người ta đuổi con đi.

- Người ta là ai?

- Là người nuôi con.

- Tức là cha mẹ mà?

- Bẩm quan lớn, con không có cha mẹ.

Ông Bố tái mặt, Chúa Cụt nói tiếp:

- Bởi nếu con có cha mẹ thì quyết con không đến nỗi phải thế này.

Chúa Cụt cảm động, chớp mắt luôn mấy cái. Ông Bó như cũng thương tình, thở dài.

- Thế mày ở với ai?

- Con ở với những người chưa biết tội rẽ con. Nhưng đến khi biết con lại không nuôi con nữa.

- Tại làm sao?

- Con không hiểu. Nhưng chắc rằng người ta cho con là cái giống xấu xa ghê tởm, cái giống có máu của người đẻ ra con.

- Ai đẻ ra mày?

- Bẩm quan lớn, nào con có biết. Người ta nhặt được con ở miếu mà bây giờ con quên tên.

Điều thuốc lá ông Bó đang cầm ở tay tự nhiên rơi xuống bàn. Mẩu tàn long ra, rời rạc, rồi bay tán loạn trên mặt tờ giấy thấm rộng. Người thư ký vội vàng phồng mồm, thổi phù phù và giụi lửa thuốc lá đi. Ông Bó cau mặt, hỏi:

- Mày biết rõ thế à?

- Vâng, vì con được nghe rõ câu chuyện. Mẹ con đã không nhận con ngay từ thuở lọt lòng. Cha con đã tránh mặt con ngay từ thuở con còn trong bụng. Vậy hai người làm ra con còn độc ác thế, trách gì người đời tàn nhẫn với con. Người ta tàn nhẫn, vì người ta chắc con cũng có máu độc ác của cha mẹ đẻ ra con.

Ông Bó thở dài, sai người thư ký ra phố mua một vài thứ. Đoạn, ông ngồi xích lại gần bàn, khoanh tay nói:

- Nhưng đời này thiếu gì những đứa như mày mà sau này nên người khá giả.

- Sự đó con không được biết, con chỉ rõ riêng có đời con. Con số dĩ phải ăn cướp, hiếp người lấy của, làm nên những việc bất đắc dĩ ấy, đến nỗi nay mai phải tù tội, là do tội cha mẹ con. Bởi vì nếu con ở với cha mẹ con, thì đâu con đã phải khổ sở. Nếu cha mẹ con nghèo đói, thì con cũng sung sướng mà chịu nghèo đói, nếu cha mẹ con phong lưu hoặc giàu có, thì con được học hành, dù chẳng có ích cũng không đến nỗi có hại; chứ quyết con không phải bơ vơ xó chợ đầu đường, tính kế sinh nhai bằng cách mà quan lớn cho là gian ác, phải dăng lưới pháp luật ra để bắt tội.

Ông Bố mỉm cười. Chúa Cụt nói tiếp:

- Vậy thì cha mẹ để con làm con nên gian ác. Sở dĩ ngay từ thuở bé, con bị người đời ghét bỏ, ghê tởm, chẳng qua là người ta ghét, người ta ghê cha mẹ con, chứ con đã làm gì nên tội lỗi! Thì ra cha mẹ con để ra con để con chịu thay tội lỗi, cho cha mẹ con được hưởng sung sướng, lấy tiếng là lương thiện với thế gian.

Ông Bố lại mỉm cười:

- Chắc đâu! Thế sao mày không tìm cha mẹ mày?

- Bẩm quan lớn, người ta cố trốn tránh con thì con tìm sao được. Ví thử con có đứng trước mặt cha mẹ con, hồ đồ cha mẹ con đã nhận!

Ông Bố cúi gằm mặt xuống bàn, rồi lại nhìn chòng chọc vào mặt Chúa Cụt, hỏi:

- Xem ra mày oán cha mẹ mày lắm?

- Vâng, bởi vì cha mẹ con ích kỷ, vô nhân đạo!

Ông Bố xám mặt, cúi xuống gãi chân, coi bộ rất luống cuống. Một lát, ông mới nói:

- Thế ngộ nay mai có người nhận mày là con thì mày...

Chúa Cụt cười, rần rở cướp lời:

- Bảm quan lớn, khi nào con chịu nhận ai là cha mẹ nữa! Con là đứa con hoang của xã hội. Xã hội đẻ con, xã hội dạy con!

Thấy có bóng người ngoài cửa, ông Bố ngăn:

- Thôi, thôi!

- Bảm, thật thế. Thuở bé, con rất hiền lành...

- Thôi!

Người thư ký bước vào. Ông Bố ngồi nghiêm trang lại, nói:

- Mau, tôi chờ mãi.

Đoạn, nhìn Chúa Cụt, ông nói:

- Mày đã làm một việc vô nhân đạo đối với một người đàn bà!

Chúa Cụt lại mỉm cười:

- Bảm quan lớn, đó là trời quả báo người ấy.

Ông Bố vội vàng giơ tay ngăn cuống quýt:

- Khoan! Khoan!

Dứt lời, ông hất hàm, bảo người thư ký ra ngoài một lát và đóng cửa lại, rồi ông run run khề hỏi Chúa Cụt:

- Mày bảo trời quả báo người ấy. Thế mày có biết

người ấy bao nhiêu tuổi không? Mà có biết người ấy là thế nào không?

Chúa Cụt ngỡ ngác đáp:

- Bẩm, những cái đó con không cần biết.
- Vậy sao mà bảo trời quá báo?
- Vì người ấy đã làm một việc trái pháp luật.
- Trái pháp luật?
- Dạ. Người ấy buôn thuốc phiện lậu.

Ông Bố thở dài thật mạnh và thật nhanh, như trút được nỗi lo âu. Song, tự nhiên ông lơ đãng nghĩ ngợi. Một lát, Chúa Cụt nói tiếp:

- Như vậy, tức là nó bị quá báo.

Ông Bố ôm trán, cau mặt vân vê cái quần bút, rồi ông gọi:

- Sinh!

Người thư ký rón rén vào, ông bảo:

- Gọi hai tên lính dẫn tên này vào nhà pha. Hôm nay, tôi thấy khó ở lắm, chưa hỏi được điều gì cả. Bạn khác hãy biên cung.

Nói đoạn, ông lủ thủ đứng dậy, mặc áo, gài khuy, rồi lơ đãng đi ra, đến nỗi người thư ký phải nhắc:

- Bẩm, khăn ạ.

XII**Một bức thư**

Ông Bố bơ phờ như người mất trí. Bữa cơm sáng hôm ấy, ông không ăn, nói rằng nhức đầu và gậy gậy sốt, rồi ông bảo đóng các cửa buồng ngủ để đi nằm.

Bà Bố sai lược trứng để đánh gió, và cho đi lấy thuốc giải cảm, nhưng ông nhắm mắt, gất:

- Để tôi yên tĩnh nghỉ ngơi.

Ông không muốn nghe một tiếng động, mà nhất là không thích cho một ai qua lại chỗ ông nằm. Bởi vì ông không tiện tỏ cho người khác hiểu ông phải bệnh gì. Ông thở dài và trần trọc luôn. Đang nằm vắt tay lên trán, duỗi thẳng hai chân, bỗng ông vùng ngồi dậy, bứt rứt, gãi đầu, nhìn xung quanh, đặt cái chén đang ở đĩa ra bàn, rồi lại bày vào đĩa. Ông đưa đi đưa lại hai cẳng chân, chán rồi ông rung đùi, đoạn lại nằm, vắt tay lên trán, thở những tiếng rên rĩ.

Bà Bố rất lo lắng. Trước thì bà cho rằng ông phải cảm, nhưng thỉnh thoảng ngó vào buồng, thấy dáng điệu chồng thì bà lại sợ hơn, vì đoán chắc ông bị ma làm. Ở nơi rừng

thiên nước độc, thiếu gì các vị thần linh, ma đại thờ trong các túp con con đã vật chết biết bao người vô ý. Bà hỏi dò những lính tráng đã đi hầu ông, xem ông qua những chỗ nào có thờ tự, để bà giấu ông, sửa lễ tạ.

Buổi chiều, ông xin phép nghỉ, không ra tòa. Bà Bó rón rén đến cạnh ông, quạt phẩy mấy cái vào lưng và dịu dàng hỏi:

- Bây giờ, ông thấy thế nào?

Không đáp, ông chỉ thở dài. Bà Bó lại hỏi:

- Ông xơi cháo nhé?

- Thôi, tôi có đói đâu.

- Ông thấy trong mình thế nào?

- Tôi không có bệnh tật gì cả. Bà đừng lo ngại. Ở tòa ra về, tự nhiên tôi nóng ruột, có thể thôi.

Bà Bó nghĩ ngợi một lát, rồi hỏi:

- Quái, mà tôi từ nãy cũng bồn chồn cả người. Này ông ạ, Cả bây giờ nó đến đâu rồi nhỉ?

Ông Bó cười:

- Không, nó đi tàu hai ống khói, đến bến nào nó cũng đánh dây thép về cho nhà yên tâm.

- Thế sao cả ông lẫn tôi cùng ruột gan sôi nổi thế này?

Ông Bó ngồi nhồm đậy:

- Làm cha mẹ hay thấp thòm vì con ở phương xa, chú thục nó vẫn bình yên như thường.

Bà Bó tươi tỉnh nói:

- Thực vậy, ở bên ta thì không có trường cho nó học, mà nó sang Tây, mình áy náy từng ngày. Chẳng hay xa nhà xa cửa, nó có được sung sướng không?

Ông Bố cười gượng:

- Mình có tiền gửi sang cho nó luôn, việc gì nó phải khổ!

Nói đoạn, ông thở dài, rất ngao ngán. Bà Bố đắc chí, nói:

- Thời buổi này, không có tiền cho con đi học đến nơi đến chốn, thì khó lòng mong cho nó làm nên.

Rồi bà chép miệng, nói tiếp:

- Đấy, thằng Tích con nhà chú Cửu, giá cứ nghe ông, để nó sang Tây, có phải bây giờ cũng cử nhân rồi không. Chú áy cứ vẽ, nhà này nuôi bao nhiêu đứa đi Tây học chẳng được.

Tự nhiên, ông Bố lờ đờ, nằm lả xuống, dáng rất mệt nhọc. Bà Bố lại nói:

- Chú áy cho là mình để con ra, mình mới thiết cho ăn học... Thì nhân tâm ai chẳng vậy, con để ra chẳng quý thì sao?

Ông Bố nhăn mặt, nói:

- Bà đừng nói chuyện, cho tôi nằm yên.

Bà Bố cười, vừa đứng dậy vừa nói:

- Để bây giờ nó lông bông, coi không khéo thì hư hỏng đấy.

Ông Bố chờ vợ ra và khép ghì cửa, rồi mới đập hai chân xuống giường mà kêu thật to:

- Trời ơi!...

Đoạn, ông rên hừ hừ như người ốm nặng.

Một lát, ông thò tay lên đầu giường, bấm chuông gọi. Tên người nhà khê mở cửa, bước vào. Ông hỏi:

- Bà đâu?

- Bấm, bà con nghỉ trong buồng.

- Tao cần ngủ từ bây giờ đến năm giờ chiều, không đứa nào được qua lại gần đây. Bà dạy, thì cũng bấm thế.

Tên người nhà lui ra, ông Bó đứng dậy, đi khóa cửa buồng, rồi ngồi ở ghế trước bàn viết. Ông trằn trằn hàng mười phút, mới mở ngăn kéo, lấy tờ giấy rộng, vuốt bốn mép cho phẳng, rồi lại lặng yên, tay tỳ cằm, tay vớ quả bút, chọc vào lọ mực.

Tôi là người quen thân với cha anh, từ khi thấy anh bị sa vào lưới pháp luật, trong lòng rất thương xót anh. Bởi vậy tôi viết thư này, nhờ tòa chuyển giao cho anh, được các quan rủ lòng thương, không nỡ từ chối cái ân nhỏ mọn ấy. Chắc đến nông nỗi này, anh oán hận cha mẹ anh lắm. Nhưng tôi là người đứng giữa, tôi biết chuyện đầu đuôi, vậy tôi kể rành mạch cho anh nghe, để anh đỡ giận hờn người vô tình đã đẩy đưa anh vào cái đời cơ cực.

Nguyên cha mẹ anh không có cái ác tâm ruồng bỏ anh từ khi anh lọt lòng đâu.

Viết đến đây, ông Bó thở dài, đặt bút xuống, khoanh tay trước ngực, gục mặt, nhắm mắt, như cố nhớ lấy cho kỹ một việc xảy ra đã lâu năm. Một lát, ông chán nản cầm bút viết tiếp:

Cha anh là...con nhà dòng dõi.

Ngày cha anh mới hai mươi tuổi, có quen biết một người con gái ở ngoài phố, con một nhà buôn bán. Người con gái ấy đẹp đẽ, nét na, trung hậu. Cha anh và người ấy yêu nhau, đã hò hẹn ngấm ngấm cùng nhau rằng sau này sẽ trọn đời thành vợ chồng. Rồi người con gái ấy nhẹ dạ cùng cha anh mà có mang.

Ông Bố cảm động, ngừng tay một lát, đọc lại bức thư, rồi viết:

Ở vào buổi bấy giờ, đôi trai gái yêu nhau có thể ngỡ ý cùng cha mẹ để xin cưới nhau được. Nhưng hơn hai mươi năm về trước, không ai công nhận cuộc hôn nhân bằng ái tình bao giờ, nhất là trong các gia đình to lớn như gia đình cha anh, thì quyền cha mẹ càng cao, mà phận làm con phải lấy sự nghe lời làm hiếu.

Tôi thấy một lần cha anh khóc lóc thảm thiết với người con gái ấy. Người này một niềm, nếu cuộc hôn nhân không thành, thì quyết chí quyên sinh để đỡ nhục cho gia đình.

Năm đấn mười đo, một hôm cha anh mới đánh liều tạ tội với ông nội anh và xin cưới mẹ anh về làm vợ. Ông nội anh thương tình, cho đi dò xét tính nết mẹ anh và đã sắp bằng lòng, thì bà nội anh nhất định phá, lấy lẽ rằng con một ông quan không thể lấy được con một nhà dân. Cưới như thế, sợ người đời mai mỉa.

Thì ra cha mẹ anh sở dĩ không lấy được nhau, chẳng qua chỉ tại sự dư luận của xã hội khắc nghiệt có thể giết hại bao nhiêu linh hồn rồi!

Viết đến đây, ông Bố nhăn nhó, dậm chân xuống gạch, ngồi trầm ngâm một lát:

Nhưng cha anh không phải người bạc tình.

Cha anh cố năn nỉ, song bao giờ đàn bà cũng khó tính, hẹp hòi hơn đàn ông, nên bà nội anh phải nọc cha anh ra, đánh một trận thâm tím cả mình mẩy, và bắt cha anh phải thề rằng từ nay không được hé răng xin một nửa câu về cuộc hôn nhân trái ngược ấy, và sai nhốt cha anh vào buồng, nửa tháng không cho ra ngoài.

Cha anh lo lắng, khóc sưng cả hai mắt, suốt ngày lảm bảm, không biết nên xử trí thế nào.

Bỗng, ông Bố cũng hai hàng lã chã. Ông lấy vạt áo lau mắt, và nhìn thẩn thức:

Một buổi tối cha anh cho tiên tên lính canh, và lên ra phố than thở với mẹ anh, đã ồm hơn tuần lễ. Hai người đương oán hận trời và kể lể sự tình, thì tên lính chạy ra, báo tin cho cha anh rằng, ông nội anh đang tìm. Cha anh sợ hãi, phải về ngay. Nhưng ông nội anh vốn nhân từ, khuyên nhủ cha anh nên nghe lời nghiêm huấn. Cha anh thở dài, nói: "Thưa thầy, con chỉ thương người con gái ấy, suốt đời vì con mà nhờ hàng!"

Ông nội anh nghĩ ngợi một lát, rồi đưa cha anh ba trăm bạc, và cho phép cha anh ra phố, đỡ dành mẹ anh nhận lấy món tiền ấy làm kế sinh nhai nuôi con, chứ tình thế bất buộc, hai người không lấy được nhau, thì hi vọng bao nhiêu là tuyệt vọng bấy nhiêu.

Mẹ anh độ ấy mới có mang được vài tháng, nên người

ngoài chưa ai biết. Mẹ anh không thể làm thế nào được, bèn cầm món tiền, rồi về Hà Nội ở cho khuất mắt đến ngày sinh anh.

Mẹ anh làm như vậy, chẳng phải tham tiền, song là vì quá yêu cha anh, muốn cho cha anh được vuông tròn mà giữ tiếng tám con nhà thế tộc. Cha anh chỉ buồn nổi rồi đứa bé sinh ra, suốt đời là đứa con hoang. Một đứa con hoang với một đứa con thường, cũng là người cả, cùng làm nên bởi một cuộc chung đụng của đôi trai gái, ấy thế mà người đời coi trọng, khinh như một vục, một trời.

Viết đến đây, tôi muốn an ủi anh một tí, là nếu người đời ai cũng nghĩ như tôi, thì việc gì anh bị ai hắt hủi, ghét bỏ.

Thật vậy, đôi trai gái yêu nhau, rồi đẻ con với nhau, thì đứa bé bị người ta ghét bỏ; mà đôi trai gái vị tất đã yêu nhau, xảy ra có con, thì đứa bé ấy được cả gia đình lẫn xã hội yêu chiều. Đứa bé ấy đẻ ra, người ta chẳng dị nghị gì hết, mà sở dĩ người ta không dị nghị là do trước khi cha mẹ nó chung đụng với nhau, người ta đã thắp mấy nén hương, đứng giữa trời lẩm bẩm với ai những tiếng gì không ai biết. Thế mà đứa trẻ mà người ta gọi là con hoang, thì trước kia cha mẹ nó đã gắn bó, chỉ non thê biển cùng nhau, mà có khi vì hai chữ ái tình, người ta có thể quên cả tính mệnh, danh dự, của cải, lẫn đất nước.

Thôi thì, sống ở cái xã hội gàn dở, người không gàn dở bao giờ, cũng phải chịu nhiều nỗi cay đắng nhất.

Ông Bố thở dài, trầm ngâm, rồi viết:

Bấy tháng sau, một hôm cha anh tiếp được thư mẹ anh báo tin đẻ con trai. Song mẹ anh nghĩ đến thân thế mai sau, vị tất không thể cứ lặn lội đưa con mà lấy được tấm chồng tử tế.

Đó cũng là một vấn đề. Phải, mẹ anh nghĩ rất đúng.

Một người đàn ông có con riêng, có thể lấy vợ tử tế như thường. Nhưng trái lại, đàn bà thì không thể được. Bởi vậy, mẹ anh phải trao trả anh cho cha anh và hẹn đúng ngày giờ, cha anh đến miếu Âm Hồn làng Nội mà đem anh về. Mẹ anh lại dặn rằng, anh có dấu hiệu riêng không thể lẫn với ai được, là cụt ngón út ở bàn chân phải, và có nốt ruồi ở trên trán.

Tự nhiên, mấy giọt nước mắt từ má ông Bố chảy xuống giấy. Ông ngừng viết đến năm phút.

Cha anh chẳng ruồng bỏ anh đâu. Vì bà nội anh quá khắc, nên không cho cha anh được nuôi anh, cụ dọ nếu cha anh mang đứa con hoang về thì cụ tự tử. Bởi vậy, cha anh phải cho tiền một tên đầy tớ thân bảo nó đến miếu Âm Hồn đem anh về và nhờ nó nuôi hộ.

Từ đó đến ba năm sau, cha anh vẫn không có dịp được biết mặt anh, song vẫn phải giữ tiền để cho tên đầy tớ nuôi nấng anh.

Một hôm, nhân một việc cha anh gọi tên đầy tớ đến, bấy giờ mới rõ sự gian và dối của tên đầy tớ. Chao ôi, nó thú thực rằng, không tìm thấy anh. Mà ở trên bệ trong miếu Âm Hồn chỉ có một cái xác trẻ con, ngực bị đập nát bét. Đứa trẻ ấy không phải là anh, vì nó soi đèn kỹ, thấy đủ

cả năm ngón chân phải, và kỳ cọ kỹ vết mực đen nhem trên mặt đứa bé, không thấy có một nốt ruồi nào.

Ông Bố lặng một lát, rồi viết:

Thế là cha anh yên trí rằng anh đã chết, mà cái xác trong miếu Âm Hồn đó tức là anh, vì trời tối nên đầy tớ không nhận kỹ dấu hiệu. Nhưng nay anh còn sống, thì chắc có sự lầm lẫn gì đây. Tôi đoán phỏng chừng có lẽ tên đầy tớ cha anh không tìm thấy anh, sau một người khác thấy, hoặc trước khi tên đầy tớ đến miếu Âm Hồn, đã có người đem anh đi mất rồi, mà người này là người đã vớt lại cái xác có ngực bẹp kia chăng.

Vậy thì đời anh sở dĩ bị đọa đày, là do cả cái xã hội bất công, quá hà khắc, áp đặt cho người ta bằng một thứ luân lý vô nhân đạo, chứ nào có phải tội ở cha mẹ anh đâu. Anh không nên oán trách cha mẹ anh làm gì cho oan uổng.

Ông Bố nghiêng răng, chọc bút mạnh vào lọ mực:

Thôi, nhưng mà đời anh đã đi tới bước này, anh hãy cứ nên tạm chịu lấy. Anh đã chẳng được hưởng sự dưỡng dục của cha anh, đến mỗi bây giờ thành ra một kẻ gian ác, hiếp người, cướp của, thì cố nhiên pháp luật nghiêm trị. Nhưng tôi cố hết sức vận động cho anh được nhẹ tội đi vài năm.

Rồi khi ở tù ra, anh cầm giấy in đính sau bức thư này, đến nhà Bãng lấy năm nghìn đồng bạc về mà sinh nhai. Cha anh cấp cho anh cái vốn ấy, là ý muốn anh sẽ làm ăn lương thiện, cho cha anh khỏi ân hận suốt đời.

Ông Bố ngồi thừ một lúc, nghĩ ngợi rồi viết tiếp:

Sau hết, tôi dặn anh một điều là sau này anh đừng tìm cha mẹ anh là ai nữa. Cha anh, tôi không biết tên, nhưng chắc vì nhiều lẽ bắt buộc không dám nhận anh đâu. Còn mẹ anh, thì anh càng không nên gặp gỡ, vì sự gặp gỡ sẽ là một sự đau đớn cực nhục cho cả mẹ anh lẫn anh.

Viết xong, ông Bố lại trầm ngâm một lát nữa, rồi không còn thêm một ý gì, ông ký tên loằng ngoằng, và đọc lại bức thư, nét mặt ân hận.

Đọc xong, ông ôm đầu, rồi vịn ghế, lần đi. Đến giường, ông vạt mình xuống chiếu, và chắc không chịu nổi những nỗi đau đớn nó giày vò ngấm ngấm ông từ buổi sáng, ông thở hồng hộc:

- Thị Hương là mẹ con đấy, con ơi!

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------|-------|
| ➤ Lời Nhà xuất bản | 5 |
| ➤ Một kiếp người | 7 |
| ➤ Lê Dung | 241 |
| ➤ Tấm lòng vàng | 375 |
| ➤ Bơ vợ | 473 |

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu – Hà Nội. ĐT (84.04)9439364 – 8229413

Fax: 04 9436024. E-mail: nxbthanhnien@yahoo.com.

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu – Quận III TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: (08) 9303262

Tiểu thuyết NGUYỄN CÔNG HOAN

Tác giả: **NGUYỄN CÔNG HOAN**

Chịu trách nhiệm xuất bản: **MAI THỜI CHÍNH**

Chịu trách nhiệm bán thảo: **PHẠM ĐỨC**

Biên tập: **KHÁNH VÂN**

Bìa: **VĂN SÁNG**

Kỹ thuật vi tính: **HÀ QUẾ**

Sửa bản in thử: **LÊ MINH**

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty Cổ phần In Bến Tre
Đang ký tại CXB số 01/1575 QLXB cấp ngày 25/10/2004.

Giấy trích ngang KHXB số 301/TN/XBTN cấp ngày 02/11/2004.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2005.

TIỂU THUYẾT

Nguyễn
Công
Hoan

LÊ DUNG
TÂM LÒNG VÀNG
BƠ VƠ

Giá : 80.000đ